



ISBN: 978-604-80-3560-0



SÁCH KHÔNG BÁN

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ

ỨNG DỤNG CHỮ KÝ SỐ TẠI VIỆT NAM

NĂM 2018



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

TRUNG TÂM CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ
QUỐC GIA (NEAC)
Bộ Thông tin và Truyền thông

Địa chỉ: Tầng 7, 115 Trần Duy Hưng,
Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.66849450

Email: vanthutctdag@mic.gov.vn

Website: <http://www.neac.gov.vn>

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ
ỨNG DỤNG CHỮ KÝ SỐ TẠI VIỆT NAM
NĂM 2018

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia

TS. Lã Hoàng Trung

Phó Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia

ThS. Phạm Quốc Hoàn

ThS. Phạm Quang Hiếu

ThS. Đặng Đình Trường

Biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Thu Trang

Tài liệu này do Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia

Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì biên soạn.

Những thông tin, số liệu, nhận định đưa ra trong Báo cáo

được tổng hợp, phân tích từ số liệu khảo sát của các Bộ, ngành,

địa phương và các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Báo cáo tình hình phát triển và ứng dụng chữ ký số tại Việt Nam năm 2018

phản ánh hiện trạng và ứng dụng chữ ký số cập nhập đến 30/6/2018.

Mọi trích dẫn thông tin từ tài liệu này phải nêu rõ nguồn

“Báo cáo Tình hình phát triển và ứng dụng chữ ký số tại Việt Nam năm 2018”

của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia - Bộ Thông tin và Truyền thông.

Toàn văn báo cáo được đăng trên website chính thức của

Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia tại địa chỉ <http://www.neac.gov.vn>.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã công bố “Báo cáo tình hình phát triển và ứng dụng chữ ký số tại Việt Nam năm 2015 và năm 2016” và đã nhận được phản hồi tích cực của các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp. Báo cáo đã trở thành nguồn tài liệu tham khảo hữu ích phục vụ công tác quản lý nhà nước và nguồn thông tin tin cậy về tình hình phát triển và ứng dụng chữ ký số trong các hoạt động giao dịch điện tử tại Việt Nam.

Đây là năm thứ ba, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và phát hành “Báo cáo tình hình phát triển và ứng dụng chữ ký số tại Việt Nam”. Báo cáo được xây dựng dựa trên thông tin cung cấp của 30 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ; 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng; và các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến có sử dụng chữ ký số.

Bộ Thông tin và Truyền thông trân trọng cảm ơn sự phối hợp, cung cấp thông tin, đóng góp ý kiến của các Bộ, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức trong quá trình thu thập và hoàn thiện “**Báo cáo tình hình phát triển và ứng dụng chữ ký số tại Việt Nam năm 2018**”.

Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được những ý kiến đóng góp cho Báo cáo để lần xuất bản tiếp theo có nội dung phong phú và hoàn thiện hơn, đáp ứng tốt nhu cầu tham khảo và phục vụ công tác quản lý.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2018

NGUYỄN THÀNH HUNG

Thư trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	3
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	9
DANH MỤC BẢNG	10
DANH MỤC HÌNH	12
I. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHỮ KÝ SỐ VÀ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ	13
1.1. Các hoạt động nổi bật	14
1.1.1. Chính phủ ban hành Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số	14
1.1.2. Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19/12/2017 quy định về sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước	15
1.1.3. Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 17/2018/TT-BTC ngày 09/02/2018 sửa đổi Thông tư số 305/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số	16
1.1.4. Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm tra, đánh giá hệ thống chứng thực chữ ký số	16
1.1.5. Triển khai kế hoạch chuyển đổi chuẩn hàm băm an toàn của các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	17
1.1.6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng chữ ký số trong cơ quan nhà nước	18
1.1.7. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thúc đẩy ứng dụng chữ ký số trên thiết bị di động	18
1.1.8. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức và trình độ ứng dụng chữ ký số	19
1.2. Giới thiệu một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới chữ ký số ban hành giai đoạn 2017 - 2018	20
1.2.1. Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước	20

1.2.2. Thông tư số 133/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước	20
--	---------

1.2.3. Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán	21
---	---------

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG

2.1. Tổng quan về thị trường chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng năm 2018	24
---	---------

2.2. Tình hình phát triển chữ ký số công cộng	24
---	---------

2.2.1. Số lượng chứng thư số đã cấp/đang hoạt động theo từng CA	24
---	---------

2.2.2. Số lượng chứng thư số theo một số ngành giai đoạn 2015 - 2018	26
--	---------

2.3. Triển khai ứng dụng chữ ký số công cộng trong các dịch vụ công trực tuyến tại các Bộ, ngành và địa phương	26
--	---------

III. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

3.1. Tình hình ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong cơ quan nhà nước	30
--	---------

3.2. Ứng dụng chữ ký số trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	31
---	---------

3.3. Ứng dụng chữ ký số tại các địa phương	34
--	---------

3.4. Tình hình ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong cơ quan nhà nước giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	40
---	---------

3.4.1. Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong cơ quan nhà nước giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	40
---	---------

3.4.2. Tần suất ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong cơ quan nhà nước giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	41
--	---------

3.5. Khó khăn, vướng mắc và đề xuất trong quá trình ứng dụng chữ ký số chuyên dùng tại cơ quan nhà nước trong giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	41
--	---------

3.5.1. Khó khăn trong các quy định liên quan đến văn bản điện tử, hồ sơ điện tử	41
---	---------

3.5.2. Khó khăn trong tích hợp chữ ký số vào phần mềm	42
---	---------

3.5.3. Khó khăn trong quy trình cấp mới, gia hạn, phục hồi mật khẩu chứng thư số chuyên dùng	42
--	---------

IV. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG TRONG TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

4.1. Tình hình phát triển chữ ký số chuyên dùng trong tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	44
---	---------

4.2. Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng tại các tổ chức, doanh nghiệp		45
4.2.1. Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)		45
4.2.2. Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (SeA Bank)		45
4.2.3. Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)		45
4.2.4. Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		46
V. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CHỮ KÝ SỐ NƯỚC NGOÀI		47
5.1. Tình hình công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài		48
5.2. Tình hình chấp nhận chứng thư số nước ngoài		48
VI. ỨNG DỤNG CHỮ KÝ SỐ TRONG CÁC LĨNH VỰC		49
6.1. Ứng dụng chữ ký số trong ngành Thuế		50
6.2. Ứng dụng chữ ký số trong ngành Hải quan		51
6.3. Ứng dụng chữ ký số trong ngành Bảo hiểm xã hội		52
6.4. Ứng dụng chữ ký số trong lĩnh vực Chứng khoán		52
6.5. Ứng dụng chữ ký số trong các hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước		53
6.6. Ứng dụng chữ ký số trong lĩnh vực đấu thầu		53
Phụ lục 1. Mô hình quản lý nhà nước về dịch vụ chứng thực chữ ký số		57
Phụ lục 2. Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số		59
Phụ lục 3. Giới thiệu Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia		63
Phụ lục 4. Giới thiệu Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin		67
Phụ lục 5. Giới thiệu các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng		71



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Chữ cái viết tắt/ký hiệu

CA công cộng

DVCTT

NEAC

Cụm từ đầy đủ

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng

Dịch vụ công trực tuyến

Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.	Số lượng dịch vụ công trực tuyến do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ cung cấp trong giai đoạn 2016 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	27
Bảng 2.	Tình hình ứng dụng chữ ký số trong các dịch vụ công trực tuyến do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cung cấp tính đến 31/3/2018	28
Bảng 3.	Tổng số chứng thư số Ban Cơ yếu Chính phủ cấp/thu hồi/đang hoạt động tính đến hết 31/3/2018	30
Bảng 4.	Số lượng chứng thư số Ban Cơ yếu Chính phủ đã cấp/thu hồi/đang hoạt động giai đoạn 2016 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	30
Bảng 5.	Số lượng chứng thư số do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp trong giai đoạn từ 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018) so với các năm trước	31
Bảng 6.	Các loại chữ ký số ứng dụng trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	32
Bảng 7.	Đối tượng, phạm vi sử dụng chữ ký số trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	32
Bảng 8.	Số lượng chứng thư số Ban Cơ yếu Chính phủ đã cấp/thu hồi/đang hoạt động cho các địa phương tính đến hết 31/3/2018	35
Bảng 9.	Tình hình ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy ứng dụng chữ ký số tại các địa phương giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018) so với năm 2016	36
Bảng 10.	Thống kê về các loại chữ ký số sử dụng, các đối tượng sử dụng và các loại giao dịch ứng dụng chữ ký số tại các địa phương	36
Bảng 11.	Tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến ứng dụng chữ ký số tại các địa phương trong giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	39
Bảng 12.	Hiệu quả ứng dụng chữ ký số trong các dịch vụ công trực tuyến tại các địa phương trong giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	40
Bảng 13.	Hoạt động của các CA chuyên dùng được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	44
Bảng 14.	So sánh số lượng tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công của Tổng cục Thuế giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018) và giai đoạn trước	50
Bảng 15.	Số lượng dịch vụ công trực tuyến ứng dụng chữ ký số trong ngành Hải quan tính đến thời điểm 31/3/2018	51

Bảng 16.	So sánh số lượng doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến của Tổng cục Hải quan giai đoạn 2015 - 2018 (tính đến 31/3/2018)		52
Bảng 17.	So sánh số lượng doanh nghiệp ứng dụng dịch vụ bảo hiểm xã hội trong giai đoạn 2015 - 2018 (tính đến 31/3/2018)		52
Bảng 18.	Số lượng đơn vị tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia giai đoạn 2015 - 2017		54
Bảng 19.	Kết quả ứng dụng chữ ký số trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia giai đoạn 2016 - 2018 (tính đến 31/3/2018)		54
Bảng 20.	Số lượng tài khoản và hồ sơ sử dụng chữ ký số công cộng trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp giai đoạn 2015 - 2016		55
Bảng 21.	Số lượng hồ sơ sử dụng chữ ký số công cộng trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp giai đoạn 2014 - 2018 (tính đến 31/3/2018)		55

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Số lượng chứng thư số đã cấp và đang hoạt động theo CA tính đến 30/6/2018	24
Hình 2. Số lượng chứng thư số đã cấp hàng năm giai đoạn 2010 - 2018 (tính đến 30/6/2018)	25
Hình 3. Số lượng chứng thư số cấp theo CA giai đoạn 2015 - 2018 (tính đến 30/6/2018)	25
Hình 4. Số lượng các loại chứng thư số đang hoạt động trong một số ngành giai đoạn 2015 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	26
Hình 5. Tình hình ứng dụng chữ ký số chuyên dùng tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giai đoạn 2009 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	31
Hình 6. Tình hình ứng dụng chữ ký số tại các địa phương giai đoạn 2009 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	35



I

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHỮ KÝ SỐ VÀ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ

1.1. Các hoạt động nổi bật

1.1.1. Chính phủ ban hành Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số

Ngày 15/02/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 26/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số. Sau hơn 10 năm thi hành, Nghị định số 26/2007/NĐ-CP đã thực sự phát huy vai trò là cơ sở pháp lý quan trọng và là nền tảng cho sự hình thành, phát triển thị trường dịch vụ chứng thực chữ ký số và các ứng dụng chữ ký số, góp phần đảm bảo an toàn thông tin cho giao dịch điện tử, thúc đẩy phát triển chính phủ điện tử và thương mại điện tử ở Việt Nam. Tuy nhiên, một số quy định của Nghị định này đã bộc lộ những hạn chế, bất cập không phù hợp với tình hình thực tế, nhiều chính sách quản lý mới được ban hành nhưng chưa được quy định trong Nghị định số 26/2007/NĐ-CP.

Vi vậy việc xây dựng và ban hành nghị định quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số để thay thế Nghị định số 26/2007/NĐ-CP là hết sức cần thiết, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về dịch vụ chứng thực chữ ký số, góp phần đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số trong các hoạt động kinh tế - xã hội và trong cơ quan nhà nước, đảm bảo an toàn cho các giao dịch điện tử.

Ngày 27/9/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 130/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Những điểm mới trong nội dung Nghị định số 130/2018/NĐ-CP

Nghị định tuân thủ các quy định tại Luật giao dịch điện tử, đồng thời, kế thừa tối đa các nội dung của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP còn phù hợp với thực tiễn. Cụ thể là, các khái niệm liên quan đến chữ ký số, chứng thư số, dịch vụ chứng thực chữ ký số, cách phân loại các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số và các điều kiện, thủ tục cấp phép cơ bản giữ nguyên như trong Nghị định số 26/2007/NĐ-CP.

- (1) Bổ sung quy định về phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số.
- (2) Bổ sung quy định về điều kiện, quyền và trách nhiệm của đại lý dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.
- (3) Bổ sung, làm rõ nội dung hoạt động cung cấp dịch vụ và quyền, nghĩa vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, đặc biệt là trong trường hợp bị tạm đình chỉ giấy phép, tạm dừng chứng thư số.
- (4) Bổ sung quy định về quy trình xử lý trong trường hợp doanh nghiệp gặp sự cố, không thể tiếp tục cung cấp dịch vụ.
- (5) Bổ sung quy định chi tiết về quy trình, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng chứng thư số chuyên dùng do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ thực hiện.

(6) Bổ sung quy định về trách nhiệm của các bên tham gia sử dụng chữ ký số bao gồm: người ký, người nhận, các tổ chức, cá nhân phát triển ứng dụng sử dụng chữ ký số để đảm bảo việc ứng dụng chữ ký số thông suốt và an toàn.

Từ thực tiễn triển khai các quy định tại Nghị định số 26/2007/NĐ-CP, dự thảo nghị định đã điều chỉnh các nội dung liên quan đến cấp phép, quản lý dịch vụ chứng thực chữ ký số để công tác quản lý dịch vụ chứng thực chữ ký số chặt chẽ và hiệu quả hơn, cụ thể như sau:

(7) Điều chỉnh quy định về giá trị pháp lý của chữ ký số trong Nghị định số 26/2007/NĐ-CP để tuân thủ quy định về giá trị pháp lý của chữ ký điện tử tại Luật giao dịch điện tử, đồng thời phù hợp với việc sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước và hiện trạng sử dụng chữ ký số trong doanh nghiệp.

(8) Điều chỉnh quy định về điều kiện cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo hướng nâng cao điều kiện cấp phép so với giai đoạn trước.

Nghị định số 130/2018/NĐ-CP đã đơn giản hóa rất nhiều thủ tục hành chính, gộp nhiều điều, khoản liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ, quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ; bỏ yêu cầu một số giấy tờ trong hồ sơ xin cấp phép, cấp giấy chứng nhận hoạt động, giấy phép sử dụng.

Như vậy, có thể khẳng định, với những điều chỉnh, bổ sung chủ yếu như trên, Nghị định số 130/2018/NĐ-CP đã tuân thủ chặt chẽ các quan điểm chỉ đạo xây dựng nghị định, đồng thời, cơ bản khắc phục được các hạn chế của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP và các nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2007/NĐ-CP.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 15/11/2018.

1.1.2. Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19/12/2017 quy định về sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước

Qua quá trình triển khai ứng dụng chữ ký số trong các cơ quan nhà nước, đa số các cơ quan đều nhận thức được ưu điểm của việc sử dụng chữ ký số, tuy nhiên vẫn còn một số vướng mắc khi sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử để trao đổi giữa các cơ quan nhà nước.

Để hoàn thiện quy định pháp lý về chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước, ngày 19/12/2017, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước.

Nội dung của Thông tư quy định các nội dung chính về quy trình ký số, kiểm tra chữ ký số, lưu trữ thông tin kèm theo văn bản điện tử có chữ ký số; quy định về yêu cầu kỹ thuật và chức năng của phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số; các yêu cầu đối với tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số; yêu cầu đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử.

Thông tư được ban hành sẽ làm căn cứ xác định giá trị pháp lý văn bản điện tử được ký số.

1.1.3. Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 17/2018/TT-BTC ngày 09/02/2018 sửa đổi Thông tư số 305/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số

Ngày 15/11/2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 305/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số. Theo đó, mức phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số: 3.000 đồng/chữ ký số/tháng. Chứng thư số phát sinh hiệu lực hoạt động tại bất cứ thời điểm nào của tháng được tính là 01 (một) tháng sử dụng.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, Bộ Thông tin và Truyền thông đã khẩn trương thực hiện các công việc cần thiết để tiến hành thu phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số.

Trong quá trình thực hiện, nhằm giải quyết các kiến nghị, khó khăn của các CA công cộng trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư số 305/2016/TT-BTC, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Vụ Chính sách thuế - Bộ Tài chính để sửa đổi, bổ sung Thông tư số 305/2016/TT-BTC.

Ngày 09/02/2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 17/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 305/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số.

Theo Thông tư số 17/2018/TT-BTC, đối tượng áp dụng là "các tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thu, nộp phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số. Không áp dụng đối với trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số ký hợp đồng với thuê bao trước ngày 01/01/2017. Trường hợp gia hạn hợp đồng hoặc ký mới phải nộp phí theo quy định".

Ngoài ra, Thông tư số 17/2018/TT-BTC cũng quy định rõ mức thu phí là "3.000 đồng/tháng/01 chứng thư số của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp cho thuê bao là tổ chức, doanh nghiệp (không bao gồm cá nhân), trừ chứng thư số đang còn hiệu lực theo hợp đồng ký trước ngày 01/01/2017".

Như vậy, Thông tư số 17/2018/TT-BTC ban hành đã giải quyết triệt để các khó khăn, vướng mắc của các CA công cộng, hỗ trợ việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp.

1.1.4. Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm tra, đánh giá hệ thống chứng thực chữ ký số

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số, hàng năm Bộ Thông tin và Truyền thông (NEAC) duy trì hoạt động kiểm tra, đánh giá các CA công cộng.

Ngày 29/12/2017, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 2433/QĐ-BTTTT công bố định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm tra, đánh giá hệ thống chứng thực chữ ký số.

Ban hành kèm theo quyết định là định mức và quy định hiện hành để xây dựng đơn giá, dự toán kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá hệ thống chứng thực chữ ký số theo quy định.

Các định mức cụ thể gồm: kiểm tra, đánh giá hoạt động công bố thông tin, công tác quản lý các hoạt động cung cấp dịch vụ, hoạt động kiểm soát môi trường, công tác kiểm soát vòng đời khoá của CA, hoạt động kiểm soát vòng đời khoá thuê bao, hoạt động kiểm soát vòng đời chứng thư số.

Định mức xác định các nội dung hao phí trong hoạt động kiểm tra, đánh giá hệ thống chứng thực chữ ký số bao gồm hao phí nhân công trực tiếp, hao phí vật liệu, hao phí thiết bị.

1.1.5. Triển khai kế hoạch chuyển đổi chuẩn hàm băm an toàn của các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng

Trong thời gian qua, thực hiện Quyết định số 1411/QĐ-BTTTT ngày 11/8/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi chuẩn hàm băm an toàn của các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) đã bám sát kế hoạch đã đề ra, cụ thể:

- Cấp chứng thư số thử nghiệm sử dụng chuẩn hàm băm an toàn SHA - 256 (gọi tắt là chứng thư số thử nghiệm) đối với các CA công cộng đã được cấp giấy phép mới trong năm 2015.

- Thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép mới và cấp chứng thư số thử nghiệm đối với các CA công cộng hết giấy phép trong năm 2016.

Thông qua quá trình thử nghiệm, cho thấy hệ thống của các CA công cộng cơ bản đã đáp ứng việc chuyển đổi chuẩn hàm băm SHA - 256. Tính đến 30/6/2018, NEAC đã hoàn tất việc cấp chứng thư số thử nghiệm cho 08/08 CA công cộng đang hoạt động trên thị trường.

- Phối hợp với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và Bảo hiểm xã hội và các đơn vị cung cấp ứng dụng sử dụng chữ ký số để xác thực tiến hành kiểm thử chứng thư số thử nghiệm thông qua các buổi làm việc, trao đổi và thử nghiệm hệ thống kỹ thuật của các bên ứng dụng.

Căn cứ tình hình thực tế, Bộ Thông tin và Truyền thông dự kiến ban hành quyết định điều chỉnh kế hoạch trong Quyết định số 1411/QĐ-BTTTT với một số nội dung:

- NEAC phối hợp cùng các CA công cộng thống nhất quy định về định dạng chứng thư số và tiến hành cấp chứng thư số cho các CA công cộng theo chuẩn hàm băm an toàn SHA-256 trong năm 2018.

- Các CA công cộng cấp cho thuê bao chứng thư số SHA-256 và ngừng cấp chứng thư số SHA-1 cho thuê bao từ ngày 30/6/2019.

- NEAC phối hợp cùng các CA công cộng hỗ trợ Tổng cục Hải quan và một số ngân hàng lớn (Vietcombank, BIDV, Agribank, Vietinbank) chuyển đổi sang SHA-256.

1.1.6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng chữ ký số trong cơ quan nhà nước

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước; năm 2017, Ban Cơ yếu Chính phủ đã phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức các đoàn công tác liên ngành để kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng và triển khai chữ ký số tại các cơ quan nhà nước.

Đoàn công tác đã kiểm tra, đánh giá tại 09 đầu mối cơ quan nhà nước gồm: Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và 07 địa phương trên cả nước (Cà Mau, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Hậu Giang, Lào Cai, Nghệ An, Trà Vinh).

Kết quả kiểm tra cho thấy, các cơ quan được kiểm tra đã cơ bản chấp hành tốt và triển khai đầy đủ các văn bản của Nhà nước liên quan đến hoạt động cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp.

Hầu hết các cơ quan nhà nước đã thể chế hoá việc áp dụng chữ ký số thông qua việc ban hành các văn bản quy định. Các cơ quan được kiểm tra đã tích cực trong việc tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức về chữ ký số.

Các cơ quan, đơn vị đã tập trung áp dụng văn bản điện tử có chữ ký số trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp dùng chung. Một số đầu mối đạt tỷ lệ trên 90% văn bản điện tử gửi nhận giữa các đơn vị trong nội bộ có chữ ký số.

Qua quá trình kiểm tra, cũng nhận thấy bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn tồn tại những khó khăn, bất cập vì vậy trong thời gian tới, Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục phối hợp với Ban Cơ yếu chính phủ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các chính sách, biện pháp nhằm thúc đẩy phát triển và ứng dụng chữ ký số.

1.1.7. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thúc đẩy ứng dụng chữ ký số trên thiết bị di động

Hiện nay, chữ ký số dành cho doanh nghiệp chiếm thị phần lớn, chủ yếu phục vụ cho việc kê khai thuế điện tử, hải quan điện tử và bảo hiểm xã hội điện tử. Trong khi chữ ký số dành cho cá nhân còn khá ít. Trong khi đó, năm 2017 có hơn 120 triệu thuê bao di động phát sinh lưu lượng trên cả nước, trong đó có 47.750.657 thuê bao phát sinh lưu lượng dữ liệu (điện thoại thông minh) vì vậy nhu cầu và tiềm năng sử dụng chữ ký số trên các thiết bị di động tại Việt Nam là rất lớn và thực sự cần thiết trong thời gian tới.

Trong thời gian qua, với chức năng là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực chữ ký số, NEAC đã nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế của một số nước đi trước, tham khảo tiêu chuẩn và khuyến nghị của các tổ chức tiêu chuẩn như NIST, ITU...

Bên cạnh đó, NEAC cũng tổ chức các buổi làm việc, phối hợp với một số tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng đã nghiên cứu, thử nghiệm các giải pháp Mobile PKI trong nội bộ CA.

Nhằm đề xuất ban hành các chính sách cần thiết để có thể triển khai chữ ký số trên thiết bị di động tại Việt Nam, ngày 12/4/2018, NEAC đã tổ chức Hội thảo "Chính sách và giải pháp

chứng thực chữ ký số trên thiết bị di động tại Việt Nam” với sự tham gia của các chuyên gia quốc tế trong lĩnh vực chữ ký số, các CA công cộng, CA chuyên dùng, các đơn vị phát triển phần mềm và các tổ chức, cơ quan có liên quan.

Trên cơ sở kết quả Hội thảo và kết quả nghiên cứu trong thời gian vừa qua, NEAC đề xuất bổ sung một số quy định, danh mục tiêu chuẩn bắt buộc về chữ ký số và triển khai đề án “Nghiên cứu, đề xuất và triển khai thí điểm dịch vụ chứng thực chữ ký số trên thiết bị di động tại Việt Nam”.

1.1.8. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức và trình độ ứng dụng chữ ký số

❖ Tăng cường đào tạo về dịch vụ chứng thực chữ ký số

Đối với công tác phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin đặc biệt là chứng thực chữ ký số, bên cạnh việc đào tạo chính quy dài hạn, công tác đào tạo ngắn hạn nâng cao kiến thức, kỹ năng là hết sức cần thiết.

Tiếp tục thực hiện Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020” theo Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ, trong hai ngày 23-24/11/2017 tại thành phố Hà Nội, Cục An toàn thông tin đã chủ trì, phối hợp với NEAC và đối tác triển khai các khóa đào tạo an toàn thông tin nâng cao, chuyên đề, đã tổ chức khóa đào tạo “Nâng cao năng lực quản lý, thực thi về chữ ký số và xác thực điện tử”.

Giảng viên là các chuyên gia quản lý, vận hành hệ thống chứng thực chữ ký số nhiều kinh nghiệm của nước ngoài và các chuyên gia kỹ thuật của Việt Nam.

Tham dự khóa đào tạo gồm có các cán bộ kỹ thuật của các đơn vị trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông; các cán bộ vận hành hệ thống của các CA công cộng.

Khóa đào tạo được thiết kế nội dung đặc biệt chuyên sâu về chữ ký số nhằm mục tiêu tiếp tục nâng cao năng lực quản lý, thực thi về chữ ký số và xác thực điện tử cho các cán bộ, nhân sự hoạt động trong lĩnh vực chữ ký số.

❖ Xây dựng Báo cáo Tình hình phát triển và ứng dụng chữ ký số năm 2016

Nhằm tiếp tục cung cấp cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia và độc giả bức tranh tổng thể về hiện trạng phát triển và ứng dụng chữ ký số tại Việt Nam, năm 2017, Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục xây dựng và phát hành “Báo cáo tình hình phát triển và ứng dụng chữ ký số tại Việt Nam năm 2016” (Sau đây gọi tắt là Báo cáo).

Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với 30 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ; 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng; các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng; và các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến có sử dụng chữ ký số để thu thập số liệu, tổng hợp và phân tích thông tin để xây dựng Báo cáo.

Báo cáo tập trung cung cấp một số nội dung chính sau: công tác quản lý nhà nước về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Tình hình phát triển và ứng dụng chữ ký số công cộng; Tình hình phát triển và ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước; Tình hình phát triển và ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong tổ chức, doanh nghiệp; Tình hình phát triển và ứng dụng chữ ký số nước ngoài tại Việt Nam; Điển hình ứng dụng chữ ký số tại Việt Nam năm 2016.

Báo cáo đã được phát hành rộng rãi đến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và 63 địa phương trong tháng 02/2018.

1.2. Giới thiệu một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới chữ ký số ban hành giai đoạn 2017 - 2018

1.2.1. Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước

Quyết định quy định việc gửi, nhận văn bản điện tử thông qua kết nối, liên thông các hệ thống quản lý văn bản và điều hành giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước (bao gồm: các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị trực thuộc).

Theo đó quyết định quy định giá trị của văn bản điện tử; nguyên tắc gửi, nhận văn bản điện tử; yêu cầu gửi, nhận văn bản điện tử; các loại văn bản điện tử và đầu mối gửi, nhận văn bản điện tử; quy trình gửi, nhận văn bản điện tử, nội dung và yêu cầu thông tin của văn bản điện tử; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật và công nghệ, bảo đảm an toàn thông tin, bảo đảm giải pháp kết nối, liên thông.

Quyết định cũng quy định trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ, Ban Cơ yếu Chính phủ và Bộ, ngành, địa phương trong thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 9 năm 2018.

1.2.2. Thông tư số 133/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước

Thông tư này quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước và áp dụng đối với các đơn vị thuộc hệ thống Kho bạc Nhà nước, các đơn vị giao dịch có giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước, các cơ quan trong ngành tài chính có giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản, các đơn vị cung cấp thông tin để lập Báo cáo tài chính nhà nước, các tổ chức có giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước trong hoạt động quản lý ngân quỹ nhà nước và các giao dịch điện tử khác trong hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước (nếu có).

Thông tư quy định về chữ ký số, chứng từ điện tử, văn bản điện tử và bảo mật thông tin trong giao dịch điện tử.

Đồng thời thông tư cũng quy định chứng từ điện tử, văn bản điện tử, hồ sơ giao dịch đều phải có đầy đủ chữ ký số theo quy định tại thông tư.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2018 và thay thế Thông tư số 209/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính quy định giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước.

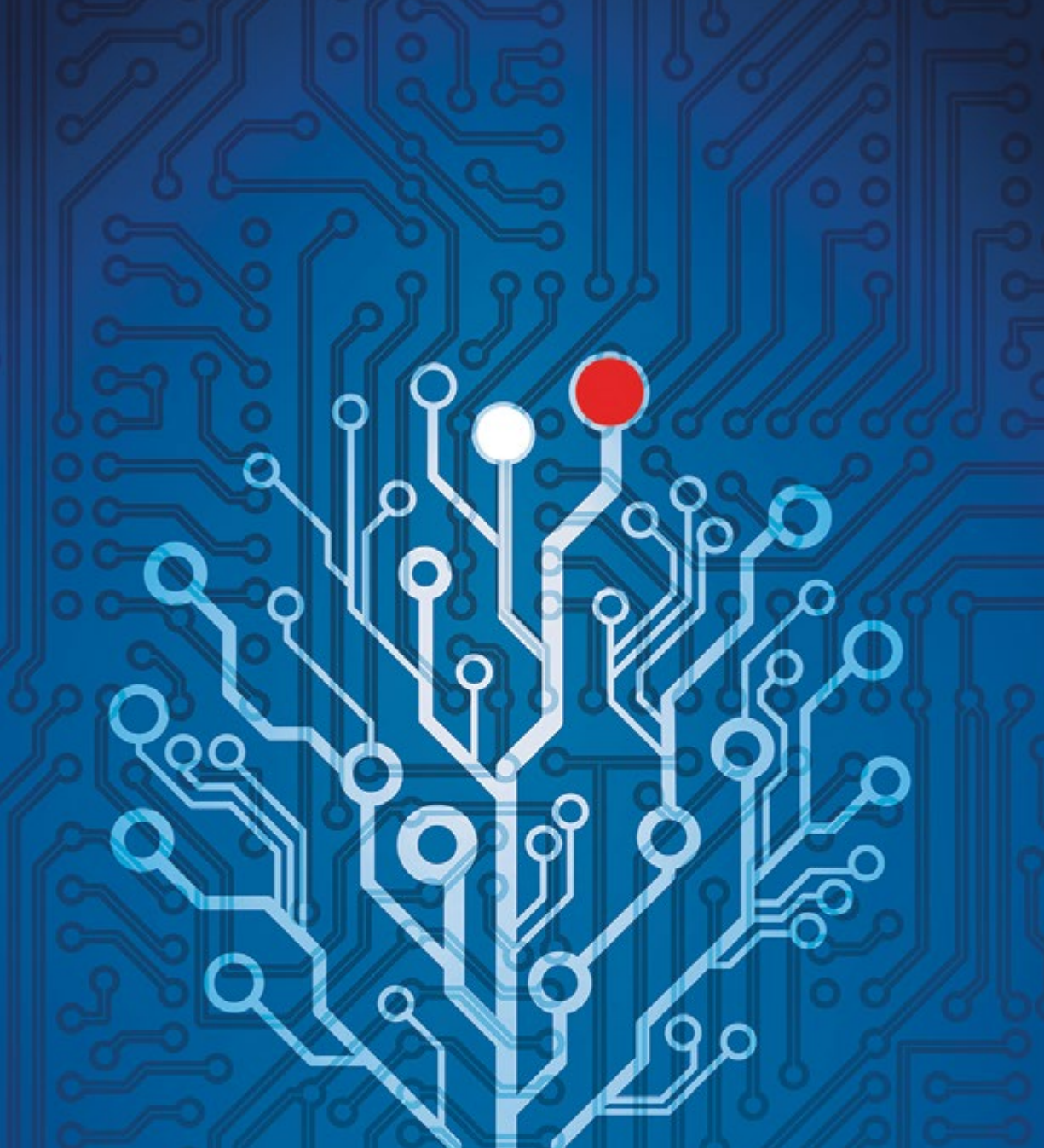
1.2.3. Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán

Thông tư này hướng dẫn hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến, hoạt động trao đổi thông tin điện tử trên thị trường chứng khoán và các hoạt động khác liên quan đến giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán.

Thông tư quy định về yêu cầu hạ tầng, kỹ thuật hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến đối với công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến. Hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến phải tích hợp giải pháp có sử dụng chứng thư số, chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và các giải pháp xác thực khác (nếu có) theo quy định tại thông tư.

Ngoài ra, thông tư cũng quy định về phiếu lệnh điện tử, cụ thể “Phiếu lệnh điện tử phải được ký bằng chữ ký số hoặc gắn liền, kết hợp một cách lô gíc với thông tin xác thực của nhà đầu tư theo quy định tại Điều 8 Thông tư này trước khi được gửi vào hệ thống”.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2018 và thay thế Thông tư số 87/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán.



II

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CHỮ KỸ SỐ CÔNG CỘNG

2.1. Tổng quan về thị trường chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng năm 2018

Giai đoạn 2017 - 2018, thị trường cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng hoạt động ổn định, Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng lần 2 cho các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (CA công cộng) VNPT-CA, Newtel-CA và Safe-CA.

Trong thời gian qua, Bộ Thông tin và Truyền thông liên tục nhận được hồ sơ xin cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của các công ty, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực chữ ký số và an toàn thông tin mạng, điều này cho thấy tiềm năng phát triển của thị trường.

Ngày 05/4/2018, Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp phép hoạt động lần đầu số 153/GP-BTTTT cho Công ty Cổ phần Công nghệ tin học EFY Việt Nam với tên giao dịch EFY-CA. Thị trường đã chính thức có 09 Nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

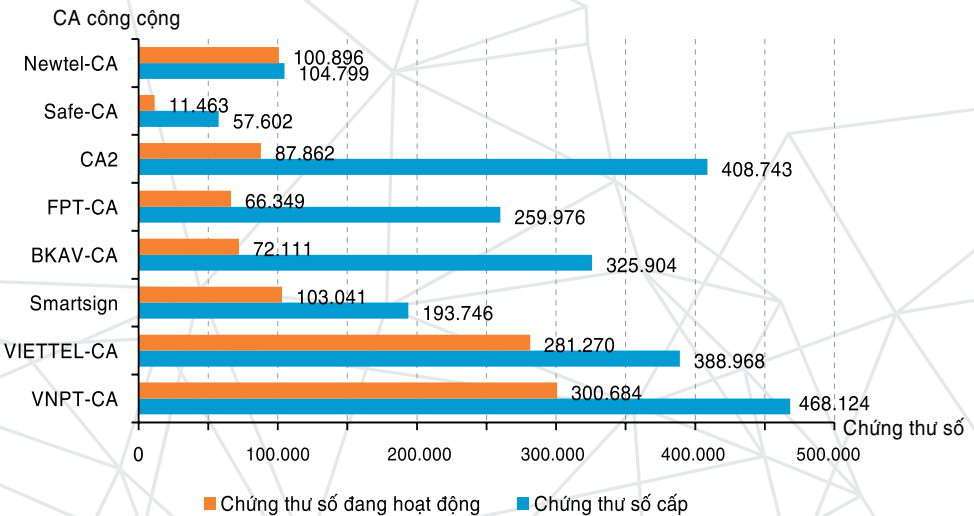
2.2. Tình hình phát triển chữ ký số công cộng

2.2.1. Số lượng chứng thư số đã cấp/đang hoạt động theo từng CA

Giai đoạn 2017 - 2018, các lĩnh vực Thuế điện tử, Hải quan điện tử và Bảo hiểm xã hội điện tử tiếp tục được ứng dụng chữ ký số mạnh mẽ đảm bảo phục vụ các hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp.

Theo số liệu thống kê đến 30/6/2018, các CA công cộng đã cấp 2.207.862 chứng thư số công cộng, thu hồi 155.036 chứng thư số, số lượng chứng thư số đang hoạt động là 1.023.676 (chiếm 46,36%).

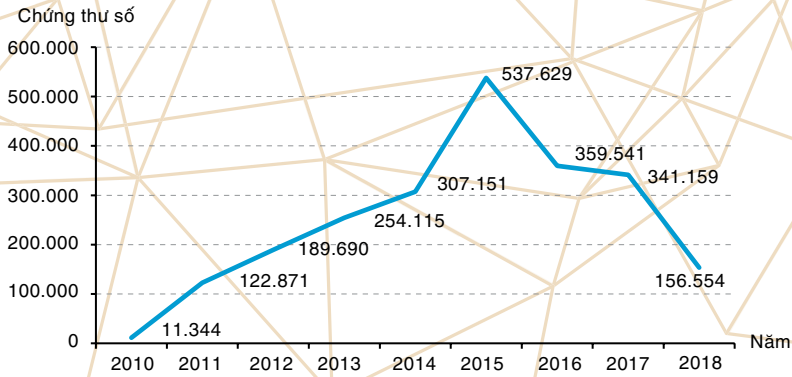
Chi tiết số lượng chứng thư số đã cấp và đang hoạt động theo từng CA được mô tả trong hình dưới đây:



Nguồn: NEAC

Hình 1. Số lượng chứng thư số đã cấp và đang hoạt động theo CA tính đến 30/6/2018

Số lượng chứng thư số cấp hàng năm được thể hiện trong hình 2:

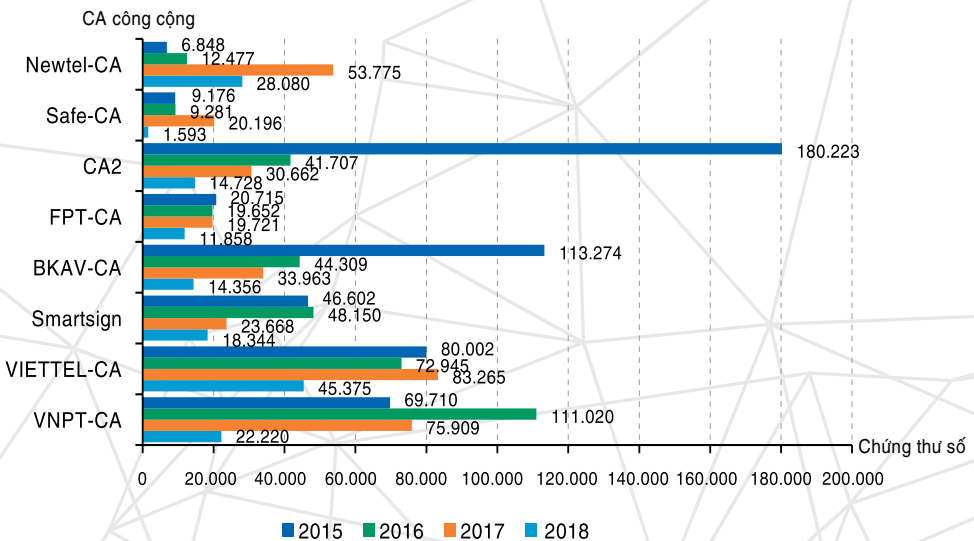


Nguồn: NEAC

Hình 2. Số lượng chứng thư số đã cấp hàng năm giai đoạn 2010 - 2018 (tính đến 30/6/2018)

Hoạt động cấp chứng thư số trong giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 30/6/2018) khá ổn định, các CA công cộng đảm bảo đáp ứng nhu cầu của thị trường.

So sánh số lượng chứng thư số cấp mới giai đoạn 2015 - 2018 của từng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ được thể hiện trong hình 3.

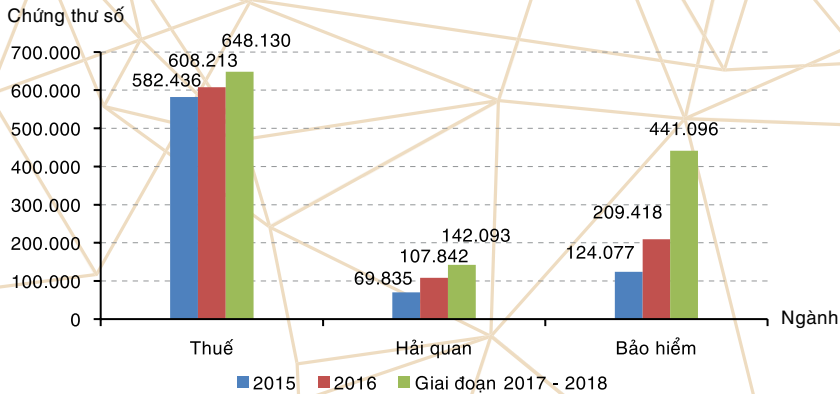


Nguồn: NEAC

Hình 3. Số lượng chứng thư số cấp theo CA giai đoạn 2015 - 2018 (tính đến 30/6/2018)

2.2.2. Số lượng chứng thư số theo một số ngành giai đoạn 2015 - 2018

Số lượng chứng thư số công cộng đến nay được cấp và sử dụng chủ yếu trong các DVCTT như khai và nộp thuế qua mạng; kê khai hải quan điện tử; và các dịch vụ bảo hiểm xã hội điện tử.



Nguồn: NEAC

Hình 4. Số lượng các loại chứng thư số đang hoạt động trong một số ngành giai đoạn 2015 - 2018 (tính đến 31/3/2018)

Theo số liệu cung cấp từ các cơ quan, tổ chức cung cấp DVCTT, tính đến thời điểm 31/3/2018 có:

- 648.130 tổ chức, doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc, các chi nhánh sử dụng chữ ký số trong lĩnh vực thuế, tăng 39.917 tổ chức, doanh nghiệp so với năm 2016;
- 142.093 doanh nghiệp sử dụng chữ ký số trong hoạt động trong lĩnh vực hải quan, tăng 34.251 doanh nghiệp so với năm 2016;
- 441.096 doanh nghiệp sử dụng chữ ký số trong kê khai bảo hiểm xã hội, tăng 231.678 doanh nghiệp so với năm 2016.

2.3. Triển khai ứng dụng chữ ký số công cộng trong các dịch vụ công trực tuyến tại các Bộ, ngành và địa phương

Giai đoạn vừa qua, công tác ứng dụng chữ ký số trong hoạt động nghiệp vụ và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp của các Bộ, ngành, địa phương đã được tăng cường.

Tính đến 31/3/2018, có 11/30 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (tăng 01 đơn vị so với năm 2016) cung cấp các DVCTT có sử dụng chữ ký số, bao gồm: Bộ Công an; Bộ Y tế; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Công Thương; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ngân hàng Nhà nước; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bộ Giao thông vận tải.

Bảng 1. Số lượng dịch vụ công trực tuyến do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ cung cấp trong giai đoạn 2016 - 2018 (tính đến 31/3/2018)

STT	Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ	Số lượng DVCTT	
		Tính đến 31/12/2016	Tính đến 31/3/2018
1	Bộ Tài nguyên và Môi trường	15	82
2	Bộ Công Thương	11	62
3	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15	15
4	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	18	29
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	3	11
6	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	3	5
7	Bộ Y tế	39	52
8	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	1
9	Bộ Giao thông vận tải	25	25
10	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	14	23
11	Bộ Công an	0	1
Tổng cộng		144	306

Nguồn: NEAC

Thực tế, từ năm 2016, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đều bắt đầu áp dụng cơ chế một cửa quốc gia vì thế có sự gia tăng về số lượng DVCTT cung cấp.

Tính đến 31/3/2018, có 11/30 (chiếm 36,67% và tăng 01 đơn vị so với năm 2016) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ứng dụng chữ ký số trong cung cấp DVCTT cho người dân, doanh nghiệp. Trong đó, cung cấp 306 dịch vụ công cho doanh nghiệp và cá nhân, tăng 162 dịch vụ công so với năm 2016.

Trong thời gian cung cấp DVCTT giai đoạn vừa qua, các đơn vị đều đánh giá hiệu việc ứng dụng chữ ký số trong cung cấp DVCTT, cụ thể:

- 100% đơn vị cho rằng ứng dụng chữ ký số đảm bảo tính bảo mật, toàn vẹn của dữ liệu; đơn giản hóa thủ tục hành chính và tiết kiệm thời gian thực hiện dịch vụ công.

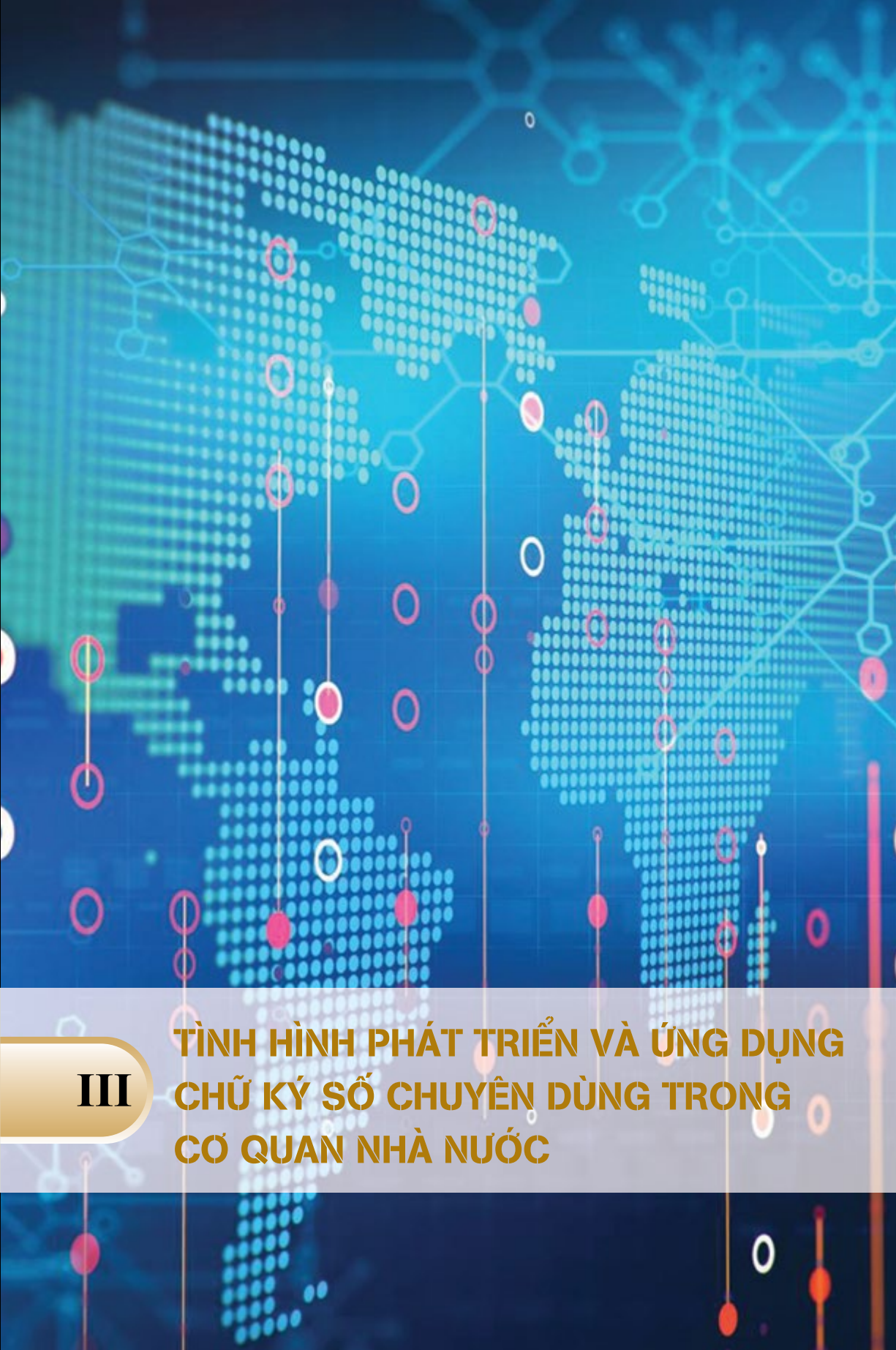
- 81,82% đơn vị cho biết hiệu quả trong tiết kiệm nhân lực.

- 3,33% đơn vị đánh giá hiệu quả trong tiết kiệm chi phí in ấn, gửi phát.

Bảng 2. Tình hình ứng dụng chữ ký số trong các dịch vụ công trực tuyến do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cung cấp tính đến 31/3/2018

STT	Nội dung	Số lượng/ Tổng số	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
1	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến ứng dụng chữ ký số			
1.1	Có	11/30	36,67	
1.2	Không	19/30	63,33	
2	Các loại chữ ký số đang được sử dụng cho các dịch vụ công trực tuyến			
2.1	Chữ ký số công cộng	08/30	26,67	
2.2	Chữ ký số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp	05/30	16,67	
2.3	Chữ ký số chuyên dùng do đơn vị tự xây dựng	02/30	6,67	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Nguồn: NEAC



III

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DỤNG TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

3.1. Tình hình ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong cơ quan nhà nước

Theo số liệu thống kê, tính đến 31/3/2018, Ban Cơ yếu Chính phủ đã cấp 106.430 chứng thư số cho các cơ quan nhà nước các cấp, về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng chứng thư số của các đơn vị. Cụ thể trong bảng 3:

Bảng 3. Tổng số chứng thư số Ban Cơ yếu Chính phủ cấp/thu hồi/đang hoạt động tính đến hết 31/3/2018

	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ^(*)	Các địa phương ^(*)	Tổng cộng (tính đến 31/3/2018) ^(*)	Tổng cộng (tính đến 31/12/2016)
Chứng thư số đã cấp	50.011	56.419	106.430	68.247
Chứng thư số đang hoạt động	47.347	53.498	100.845	64.099
Chứng thư số thu hồi	2.664	2.921	5.585	4.168

^(*) Số lượng Chứng thư số không bao gồm cấp cho khối quốc phòng, an ninh

Nguồn: Ban Cơ yếu Chính phủ

So sánh số lượng chứng thư số đã cấp, đang hoạt động, thu hồi giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018) so với giai đoạn từ năm 2016 trở về trước được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4. Số lượng chứng thư số Ban Cơ yếu Chính phủ đã cấp/thu hồi/đang hoạt động giai đoạn 2016 - 2018 (tính đến 31/3/2018)

	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ			Các địa phương		
	Tính đến 31/12/2016	Tính đến 31/12/2016 ^(*)	Giai đoạn 2017-2018 (tính đến 31/3/2018) ^(*)	Tính đến 31/12/2016	Tính đến 31/12/2016 ^(*)	Giai đoạn 2017-2018 (tính đến 31/3/2018) ^(*)
Chứng thư số đã cấp	35.458	34.263	15.748	32.789	32.787	23.632
Chứng thư số đang hoạt động	31.698	32.667	47.347	32.401	31.696	53.498
Chứng thư số thu hồi	3.760	1.596	1.068	388	1.091	1.830

^(*) Số lượng Chứng thư số không bao gồm cấp cho khối quốc phòng, an ninh

Nguồn: Ban Cơ yếu Chính phủ

Việc sử dụng chữ ký số đã đảm bảo an toàn cho các giao dịch điện tử, tạo được môi trường làm việc hiện đại, tiết kiệm thời gian và chi phí; nâng cao hiệu quả công việc, tăng tính công khai, minh bạch trong quản lý điều hành; góp phần tích cực trong việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính và phát triển Chính phủ điện tử.

Các loại văn bản đang được ký số phổ biến ở các cơ quan, đơn vị gồm: giấy mời; lịch làm việc; đăng ký họp; tài liệu họp; văn bản để biết; báo cáo; thông báo; tờ trình; kế hoạch; công văn; thông tin chỉ đạo điều hành.

Trong giai đoạn 2017 - 2018, tỷ lệ văn bản điện tử áp dụng chữ ký số trên tổng số văn bản chuyển qua mạng của các cơ quan, đơn vị ở mức cao (có cơ quan đạt 95%).

3.2. Ứng dụng chữ ký số trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Số lượng chứng thư số Ban Cơ yếu Chính phủ đã cấp cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giai đoạn 2017-2018 (tính đến 31/3/2018) là 15.748 chứng thư số (không bao gồm cấp cho khối quốc phòng, an ninh), tăng 1,2 lần so với năm 2016.

Đến hết 31/3/2018, đã có 30/30 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được cấp chứng thư số chuyên dùng, trong đó có 28/30 đơn vị ứng dụng chữ ký số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp, tăng 01 đơn vị so với năm 2016.

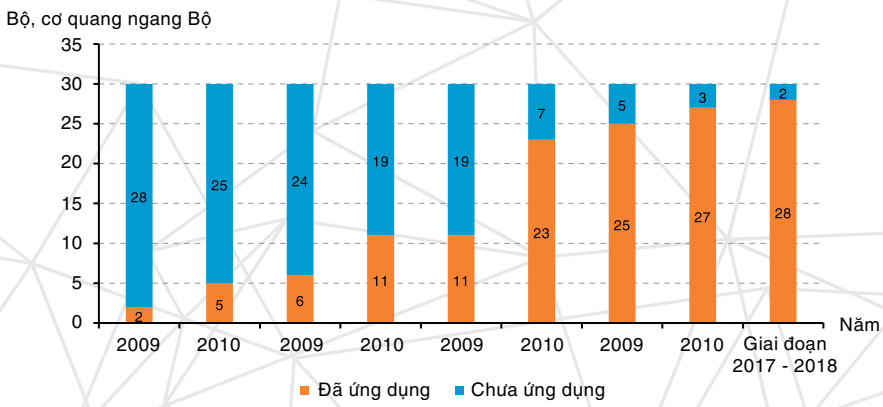
Bảng 5. Số lượng chứng thư số do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp trong giai đoạn 2017-2018 (tính đến 31/3/2018) so với các năm trước

STT	Nội dung	Giai đoạn 2012 - 2014	Năm 2015	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2018 (tính đến 31/3/2018) (*)
1	Chứng thư số đã cấp	13.914	4.292	13.153	15.748
2	Chứng thư số đang hoạt động	13.967	19.113	31.698	47.347
3	Chứng thư số thu hồi	696	480	3.760	1.068

(*) Số lượng Chứng thư số không bao gồm cấp cho khối quốc phòng, an ninh

Nguồn: Ban Cơ yếu Chính phủ

Tình hình ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giai đoạn 2017 - 2018 so với giai đoạn 2009 - 2016 thể hiện trong hình 5:



Hình 5. Tình hình ứng dụng chữ ký số chuyên dùng tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giai đoạn 2009 - 2018 (tính đến 31/3/2018)

Tính đến 31/3/2018 có 28/30 Bộ, cơ quan ngang Bộ (chiếm 90%) có ứng dụng chữ ký số nhằm phục vụ các hoạt động quản lý, nghiệp vụ trao đổi thông tin trong phạm vi nội bộ. 02/30 đơn vị chưa ứng dụng chữ ký số, trong đó Đài Tiếng nói Việt Nam và Ban quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đang phối hợp với các đơn vị có liên quan chuẩn bị triển khai.

Các loại chữ ký số được ứng dụng được thể hiện trong bảng 6:

Bảng 6. Các loại chữ ký số ứng dụng trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

STT	Loại chữ ký số đang sử dụng	Số lượng/Tổng số	Tỉ lệ (%)
1	Chữ ký số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp	28/30	93,33
2	Chữ ký số chuyên dùng do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tự xây dựng hệ thống và cung cấp	02/30	6,67
3	Chữ ký số công cộng	09/30	30
4	Chữ ký số nước ngoài	03/30	10

Nguồn: NEAC

Trong số 28 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có ứng dụng chữ ký số chuyên dùng thì có:

- 28/28 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ sử dụng chữ ký số của Ban Cơ yếu Chính phủ;

- 02/28 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng hệ thống CA chuyên dùng phục vụ hoạt động giao dịch điện tử trong nội bộ là: Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- 09/28 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ sử dụng chữ ký số công cộng phục vụ trong một số hoạt động khác.

- 03/28 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ sử dụng chữ ký số nước ngoài gồm Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thông tin, số liệu về đối tượng, phạm vi, mục đích sử dụng chữ ký số trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thể hiện trong bảng 7:

Bảng 7. Đối tượng, phạm vi sử dụng chữ ký số trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)

STT	Nội dung	Số lượng/Tổng số	Tỉ lệ (%)
1	Đối tượng sử dụng chữ ký số		
1.1	Tất cả cán bộ	02/30	6,67
1.2	Lãnh đạo từ cấp Phòng trở lên	09/30	30

STT	Nội dung	Số lượng/Tổng số	Tỉ lệ (%)
1.3	Lãnh đạo cấp Vụ trở lên	15/30	50
1.4	Lãnh đạo cấp Bộ	10/30	33,33
1.5	Văn thư Bộ/cơ quan ngang Bộ	12/30	40
1.6	Khác(*)	10/30	33,33
2	Phạm vi, mục đích sử dụng chữ ký số		
2.1	Ký email	13/30	43,33
2.2	Ký các văn bản ban hành nội bộ trong các đơn vị thuộc Bộ	20/30	66,67
2.3	Báo cáo nhiệm vụ Chính phủ giao	14/30	46,67
2.4	Gửi văn bản, tờ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ qua hệ thống mạng của Chính phủ	16/30	53,33
2.5	Ký các văn bản trao đổi với các Cơ quan hành chính khác	16/30	53,33
2.6	Kê khai thuế	13/30	43,33
2.7	Kê khai bảo hiểm xã hội	10/30	33,33
2.8	Kê khai hải quan điện tử	06/30	20
2.9	Khác (**)	07/30	23,33

Nguồn: NEAC

(*) Đối tượng khác:

- Bộ Tài chính
 - + Hệ thống ký số tự động lên các báo cáo về đối thông tin thu nộp thuế trao đổi giữa các cơ quan Tài chính, Thuế, Kho bạc, Hải quan.
 - + Các cán bộ kế toán các đơn vị có tài khoản, có con dấu riêng thuộc Bộ sử dụng chữ ký số để kê khai thuế và khai bảo hiểm.
 - + Các cán bộ đối tác thực hiện hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin của Bộ Tài chính sử dụng chứng thư số do Ban Cơ yếu xác thực khi đăng nhập từ xa tới hệ thống thông tin của Bộ Tài chính.
 - + Hệ thống thư điện tử của Bộ Tài chính được áp dụng giải pháp bảo mật xác thực web, mã hóa thông tin trao đổi có sử dụng chứng thư số nước ngoài của đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài GlobalSign.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo: giám đốc, kế toán trưởng, nhân viên kế toán, cán bộ đầu thầu, cán bộ phụ trách tài chính.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: lãnh đạo cấp phó phụ trách có thể đăng ký cấp chứng thư số.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: đối tượng sử dụng chứng thư số của Ngân hàng Nhà nước là người dùng thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước... sử dụng trong các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước như thanh toán liên ngân hàng, hệ thống báo cáo Ngân hàng Nhà nước, hệ thống DVCTT của Ngân hàng Nhà nước, hệ thống email, hệ thống quản lý văn bản...

- Thông tấn xã Việt Nam: một số lãnh đạo cấp Vụ.

- Đài Truyền hình Việt Nam: các bộ phận kế toán, hành chính.

() Phạm vi khác:**

- Bộ Tài chính

+ Xác thực khi đăng nhập từ xa tới hệ thống thông tin;

+ Xác thực web, mã hóa thông tin trao đổi;

+ Phê duyệt dữ liệu trong ứng dụng Đăng ký tài sản công;

+ Xác thực đăng nhập hệ thống mạng đấu thầu quốc gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Ký số lên thông điệp dữ liệu truyền nhận trong hệ thống trao đổi thông tin thu nộp thuế giữa cơ quan Thuế - Kho bạc Nhà nước - Hải quan - Tài chính.

+ Sử dụng cho các nghiệp vụ do Ngân hàng Nhà nước cung cấp như: thanh toán điện tử liên ngân hàng; báo cáo thống kê, báo cáo quỹ tín dụng nhân dân; nghiệp vụ thị trường mở; báo cáo ngày/tháng; dịch vụ công.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Sử dụng giao thức https, ký số vào ý kiến xử lý trong xử lý công việc qua mạng trên hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, ký số vào phiếu đăng ký tài khoản trực tuyến khi đăng ký tài khoản, các báo cáo trên hệ thống thông tin về đầu tư sử dụng vốn nhà nước, đầu tư công.

+ Sử dụng trong nghiệp vụ đấu thầu.

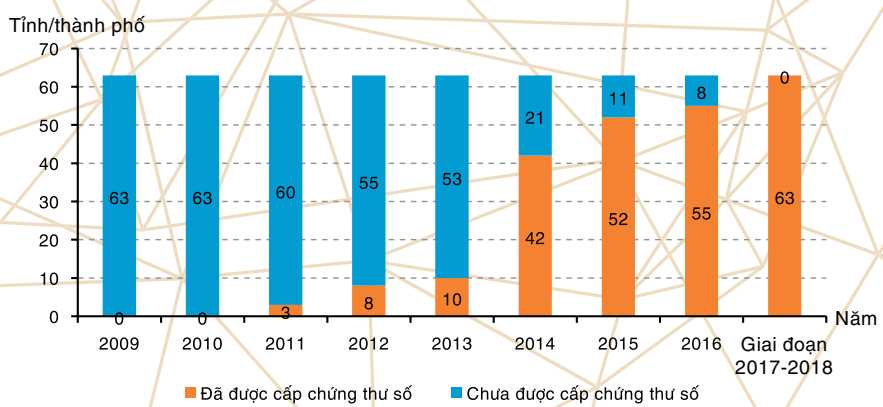
- Bộ Y tế: Ký các văn bản và trả kết quả DVCTT.

- Ngân hàng Nhà nước: thanh toán liên ngân hàng, hệ thống báo cáo Ngân hàng Nhà nước, hệ thống DVCTT của Ngân hàng Nhà nước, hệ thống email, hệ thống quản lý văn bản...

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: rút tiền vốn từ Ngân hàng Nhà nước, đấu thầu và thử nghiệm thanh toán trực tuyến Kho bạc Nhà nước.

3.3. Ứng dụng chữ ký số tại các địa phương

Theo số liệu khảo sát của NEAC, tính đến 31/3/2018, đã có 63/63 địa phương được cấp chứng thư số. Trong đó có 57 địa phương đã ứng dụng chữ ký số chuyên dụng của Ban Cơ yếu Chính phủ, 06 địa phương đã được cấp chứng thư số nhưng chưa ứng dụng gồm Bình Phước, Đắk Lắk, Hải Dương, Lai Châu, Nam Định, Phú Yên. Tình hình ứng dụng cụ thể được thể hiện trong hình 6:



Nguồn: NEAC

Hình 6. Tình hình ứng dụng chữ ký số tại các địa phương giai đoạn 2009 - 2018 (tính đến 31/3/2018)

Số lượng chứng thư số Ban Cơ yếu Chính phủ cấp cho các địa phương trong giai đoạn 2017 - 2018 là 23.632, tăng 1,8 lần so với năm 2016.

Bảng 8. Số lượng chứng thư số Ban Cơ yếu Chính phủ đã cấp/thu hồi/đang hoạt động cho các địa phương tính đến hết 31/3/2018

STT	Nội dung	Giai đoạn 2012 - 2014	Năm 2015	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2018 (tính đến 31/3/2018) (*)	Tổng cộng (tính đến 31/3/2018) (*)
1	Chứng thư số đã cấp	10.691	8.391	13.008	23.632	56.419
2	Chứng thư số đang hoạt động	10.820	18.929	32.401	53.498	53.498
3	Chứng thư số thu hồi	82	294	388	1.830	2.921

(*) Số lượng Chứng thư số không bao gồm cấp cho khối quốc phòng, an ninh

Nguồn: Ban Cơ yếu Chính phủ

Bên cạnh việc tích cực ứng dụng chữ ký số trong các hoạt động trong cơ quan, các địa phương vẫn tiếp tục xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn, văn bản chỉ đạo điều hành liên quan đến ứng dụng chữ ký số.

Đến 31/3/2018, đã có 55 địa phương có văn bản ủy quyền cung cấp, quản lý chứng thư số chuyên dùng phục vụ các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; 50 địa phương đã xây dựng kế hoạch triển khai ứng dụng chữ ký số trong các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh; 39 địa phương có quy chế, quy định sử dụng chữ ký số trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh. Cụ thể như trong bảng 9:

Bảng 9. Tình hình ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy ứng dụng chữ ký số tại các địa phương giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018) so với năm 2016

TT	Văn bản liên quan đến ứng dụng chữ ký số trong các hoạt động quản lý, nghiệp vụ của cơ quan hành chính nhà nước	Số tỉnh đã xây dựng		Tỷ lệ số tỉnh xây dựng/ Tổng số (%)
		Năm 2016	Giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	
1	Văn bản ủy quyền cung cấp, quản lý chứng thư số chuyên dùng phục vụ các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh	52	55	87,30
2	Kế hoạch triển khai, ứng dụng chữ ký số trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh	47	50	79,37
3	Quy chế, quy định sử dụng chữ ký số trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh	34	39	61,91
4	Văn bản khác	12	10	15,87

Nguồn: NEAC

Thống kê về các loại chữ ký số sử dụng, các đối tượng sử dụng và các loại giao dịch ứng dụng chữ ký số tại các địa phương được thể hiện trong bảng 10:

Bảng 10. Thống kê về các loại chữ ký số sử dụng, các đối tượng sử dụng và các loại giao dịch ứng dụng chữ ký số tại các địa phương

TT	Nội dung	Số tỉnh triển khai/ Tổng số	Tỷ lệ (%)
1	Loại chữ ký số đang sử dụng trong cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh		
1.1	Chữ ký số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp	55/63	87,30
1.2	Chữ ký số công cộng	22/63	34,92
2	Đối tượng sử dụng chữ ký số trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh		
2.1	Đối với tổ chức		
a	Cấp xã, phường trở lên	44/63	69,84
b	Cấp phường trở lên	09/63	14,29
c	Cấp huyện trở lên	16/63	25,40
d	Cấp sở trở lên	11/63	17,46
e	Khác (*)	02/63	3,17
2.2	Đối với cá nhân		
a	Tất cả cán bộ	01/63	1,59

TT	Nội dung	Số tỉnh triển khai/ Tổng số	Tỷ lệ (%)
b	Lãnh đạo cấp phòng trở lên	27/63	42,86
c	Lãnh đạo từ cấp quận, huyện trở lên	22/63	34,92
d	Lãnh đạo sở, lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh (tương đương cấp sở) trở lên	23/63	36,50
e	Lãnh đạo tỉnh	21/63	33,33
	Khác (**)	16/63	25,40
3	Phạm vi, mục đích sử dụng chữ ký số trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh		
3.1	Ký email	09/63	14,29
3.2	Ký các văn bản ban hành nội bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước tại tỉnh	48/63	76,19
3.3	Ký các văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước tại tỉnh	53/63	84,13
3.4	Kê khai thuế	45/63	71,43
3.5	Kê khai bảo hiểm xã hội	47/63	74,6
3.6	Kê khai hải quan điện tử	10/63	15,87
3.7	Khác (***)	04/63	6,35
4	Đã tích hợp chữ ký số trong Hệ thống quản lý văn bản điều hành	40/63	63,50
5	Các ứng dụng/phần mềm tích hợp chữ ký số trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh		
5.1	Phần mềm quản lý văn bản và điều hành (eOffice)	39/63	61,90
5.2	Phần mềm một cửa điện tử	13/63	20,63
5.3	Hệ thống email công vụ	07/63	11,11
5.4	Phần mềm khác (****)	17/63	26,98

Nguồn: NEAC

(*) Đối tượng khác

- Đà Nẵng: các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; các Chi cục, phòng chuyên môn, trung tâm, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành trở lên; các phòng, trung tâm, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện trở lên.
- Thái Bình: trường học, bệnh viện trên địa bàn.

() Đối tượng khác**

- Bà Rịa - Vũng Tàu: lãnh đạo các xã, phường, thị trấn.
- Bình Thuận: lãnh đạo cấp xã, phường, thị trấn; lãnh đạo cấp huyện và lãnh đạo các phòng ban cấp huyện.
- Cà Mau: lãnh đạo cấp xã trở lên.
- Đà Nẵng: lãnh đạo các đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành.
- Đắk Nông: lãnh đạo cấp xã, kế toán giao dịch với kho bạc.
- Đồng Nai: kế toán.
- Hà Giang: triển khai cho công chức, viên chức trong cơ quan hành chính.
- Hải Phòng: sử dụng theo yêu cầu nhiệm vụ, không phân theo cấp đơn vị.
- Khánh Hòa: cán bộ kế toán tại cơ quan, đơn vị sử dụng trong giao dịch thuế và bảo hiểm xã hội.
- Ninh Thuận: Văn thư.
- Phú Thọ: cán bộ Sở Thông tin và Truyền thông, chủ tài khoản, kế toán trưởng các cơ quan, đơn vị có giao dịch với Kho bạc Nhà nước.
- Thái Bình: tất cả cán bộ của Sở Thông tin và Truyền thông và trung tâm hành chính cấp tỉnh (đang triển khai đến trung tâm hành chính công cấp huyện).
- Thanh Hóa: tất cả cán bộ của Sở Thông tin và Truyền thông và trung tâm hành chính cấp tỉnh (đang triển khai đến trung tâm hành chính công cấp huyện) Thanh Hóa: Triển khai thí điểm cấp cho Lãnh đạo và Chánh Văn phòng của một số Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh.
- Tiền Giang: lãnh đạo, trưởng phòng Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và lãnh đạo, trưởng phòng Sở Thông tin và Truyền thông Tiền Giang.
- Trà Vinh: Một số lãnh đạo cấp quận, huyện và cá nhân (lãnh đạo và chuyên viên) thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng Nhân dân tỉnh đăng ký cấp chứng thư số phục vụ triển khai Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.
- Vĩnh Phúc: 100% cán bộ trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để kết nối với hệ thống thông tin Văn phòng Chính phủ; cán bộ Sở Thông tin và Truyền thông phục vụ hỗ trợ, triển khai trên địa bàn tỉnh; lãnh đạo Sở Y tế để triển khai DVCTT từ Bộ Y tế.

(*) Phạm vi, mục đích sử dụng khác:**

- Ninh Thuận: giấy phép lái xe mẫu mới bằng vật liệu PET, xác thực truy cập phần mềm Chính phủ.

- Long An: kết nối hệ thống thông tin của Trung ương.
- Đồng Nai, Phú Thọ, Quảng Bình: Giao dịch với Kho bạc Nhà nước.

(**) Phần mềm khác:**

- Bắc Kạn: Công báo điện tử tỉnh.
- Bến Tre, Hà Nam: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.
- Bình Thuận: Phần mềm DVCTT.
- Cà Mau: Phần mềm quản lý hồ sơ công việc liên thông.
- Thành phố Hà Nội: Hệ thống phần mềm dùng chung.
- Hà Tĩnh: Cổng thông tin điện tử, hệ thống congbao.hatinh.gov.vn.
- Hậu Giang: Phần mềm Quản lý văn bản của tỉnh.
- Long An: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành (phần mềm do Trung tâm CNTT và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông Long An tự phát triển).
- Thái Nguyên: Hệ thống công báo tỉnh.
- Vĩnh Phúc: Hệ thống Cổng Thông tin Điện tử tỉnh.

Bên cạnh việc ứng dụng chữ ký số trong các hoạt động của cơ quan nhà nước, các địa phương còn cung cấp DVCTT ứng dụng chữ ký số. Số lượng và tình hình ứng dụng được thể hiện cụ thể trong bảng 11:

Bảng 11. Tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến ứng dụng chữ ký số tại các địa phương trong giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)

STT	Nội dung	Số lượng /Tổng số	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
1	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến ứng dụng chữ ký số			
1.1	Có	08/63	12,70	
1.2	Không	55/63	87,30	
2	Các loại chữ ký số đang được sử dụng cho các dịch vụ công trực tuyến			
2.1	Chữ ký số công cộng	03/63	4,76	
2.2	Chữ ký số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp	08/63	12,70	

Nguồn: NEAC

Trong số 63 địa phương, có 08 địa phương có cung cấp DVCTT ứng dụng chữ ký số bao gồm Bình Thuận, Cà Mau, Ninh Thuận, Phú Thọ, Quảng Nam, Quảng Ninh, Thái Bình, Tiền Giang.

Đánh giá hiệu quả việc ứng dụng chữ ký số trong các DVCTT tại các địa phương được thể hiện trong bảng 12:

*Bảng 12. Hiệu quả ứng dụng chữ ký số trong các dịch vụ công trực tuyến
tại các địa phương trong giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)*

STT	Nội dung	Số lượng /Tổng số	Tỉ lệ (%)
1	Hỗ trợ cho quá trình cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính	07/63	11,11
2	Tiết kiệm, rút ngắn thời gian đăng tải và thời gian thực hiện các thủ tục hành chính	06/63	9,52
3	Tiết kiệm nhân lực trong kiểm tra, rà soát thông tin của doanh nghiệp, cá nhân tham gia dịch vụ công trực tuyến	06/63	9,52
4	Đảm bảo tính bảo mật, toàn vẹn	05/63	7,94

Nguồn: NEAC

3.4. Tình hình ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong cơ quan nhà nước giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)

3.4.1. Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong cơ quan nhà nước giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)

Bên cạnh một số ứng dụng, phần mềm tích hợp chữ ký số được sử dụng phổ biến trong các cơ quan nhà nước như phần mềm quản lý văn bản và điều hành, hệ thống email công vụ, trong thời gian qua, các cơ quan đơn vị đã tích cực ứng dụng chữ ký số vào các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin. Cụ thể như:

- Bảo hiểm xã hội Việt Nam: Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam yêu cầu toàn ngành thực hiện văn bản điện tử thay thế toàn bộ văn bản giấy bắt đầu từ ngày 01/6/2018 đối với một số danh mục văn bản do Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định, nghiên cứu rút ngắn thời gian xử lý văn bản chỉ còn từ 2 đến 5 ngày và tiếp tục tăng cường đào tạo tập huấn sử dụng chữ ký số.

- Thành phố Hà Nội: Trong năm 2018, cùng với việc tích hợp ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ với hệ thống DVCTT, chữ ký số chuyên dùng cũng sẽ được thành phố Hà Nội tích hợp vào hệ thống một cửa điện tử dùng chung 3 cấp của thành phố. Theo đó, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tích hợp ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ đối với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp và Hệ thống thư điện tử công vụ của thành phố.

- Thành phố Hồ Chí Minh: Ngày 19/5/2018, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh vừa ký văn bản số 2994/UBND-KT yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện ứng dụng chữ ký điện tử trong việc phát hành văn bản điện tử qua mạng từ ngày 01/6/2017. Theo đó, Cục Cơ yếu Đảng - Chính quyền đã cấp chứng thư số dành cho cơ quan, tổ chức cho 70 đơn vị (các quận, huyện; các Sở) tại thành phố Hồ Chí Minh. Tất cả các đơn vị này đều đã thực hiện ký số lên văn bản phát hành liên thông giữa các cơ quan nhà nước.

3.4.2. Tần suất ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong cơ quan nhà nước giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)

Bên cạnh chỉ tiêu số lượng chứng thư số cấp, sử dụng thì chỉ tiêu tần suất ứng dụng cũng là một chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng chữ ký số.

Thông qua số liệu khảo sát của NEAC cho thấy tần suất ứng dụng chữ ký số trong nội bộ cơ quan và với các cơ quan khác tăng lên, cụ thể:

- Số lượng trung bình văn bản điện tử có chữ ký số/tổng số văn bản điện tử/tháng trong nội bộ cơ quan đạt tỉ lệ cao, phần lớn các cơ quan cung cấp số liệu đều đạt trên 90%, một số đơn vị có số lượng văn bản trao đổi cao như An Giang (7.631/8.479), Bà Rịa - Vũng Tàu (1.719/1.719), Ninh Thuận (3.141/3.141), Vĩnh Phúc (3.600/8.800).

- Số lượng trung bình văn bản điện tử có chữ ký số/tổng số văn bản điện tử/tháng trao đổi với cơ quan khác: một số đơn vị có số lượng văn bản trao đổi cao như Bắc Kạn (1.380/1.380), Ninh Thuận (1.251/1.251), Thái Bình (2.200/3.422), có địa phương đạt 100% như Bắc Giang, một số đơn vị đã có hoạt động trao đổi văn bản điện tử sử dụng chữ ký số tuy nhiên số lượng còn ít.

Tần suất trao đổi và số lượng văn bản điện tử sử dụng chữ ký số trao đổi trong nội bộ cơ quan và giữa các cơ quan tăng lên cho thấy hiệu quả của việc ứng dụng chữ ký số trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, rút ngắn thời gian gửi nhận văn bản, tăng hiệu quả xử lý công việc và tiết kiệm chi phí.

3.5. Khó khăn, vướng mắc và đề xuất trong quá trình ứng dụng chữ ký số chuyên dùng tại cơ quan nhà nước trong giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)

Thông qua khảo sát, kiểm tra tại các đơn vị, bên cạnh những hiệu quả và kết quả đạt được trong việc ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong cơ quan nhà nước vẫn còn tồn tại những khó khăn, vướng mắc. Những khó khăn, vướng mắc điển hình bao gồm:

3.5.1. Khó khăn trong các quy định liên quan đến văn bản điện tử, hồ sơ điện tử

Tại các đơn vị, các văn bản sử dụng chữ ký số thay cho sử dụng văn bản giấy mới chỉ phổ biến ở các loại văn bản như giấy mời, lịch làm việc, văn bản đăng ký họp, tài liệu họp, văn bản đề biết, báo cáo, thông báo, tờ trình, kế hoạch, công văn, thông tin chỉ đạo điều hành, tuy nhiên giữa các đơn vị, địa phương lại không có sự thống nhất trong cách thức gửi, nhận và danh mục các văn bản sử dụng ký số.

Bên cạnh đó việc lưu trữ văn bản điện tử có sử dụng chữ ký số vẫn chưa có quy định cụ thể, dẫn tới việc áp dụng chữ ký số nhưng vẫn phải lưu trữ văn bản giấy.

Một số đề xuất tiêu biểu:

- Đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản chỉ đạo thống nhất về áp dụng chữ ký số trong việc trao đổi văn bản điện tử trong cả nước; quy định cụ thể danh mục các văn bản phải ký số gửi trên mạng và không gửi văn bản giấy; quy định tính pháp lý trên các loại văn bản ký số.

- Đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị có liên quan ban hành bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong công tác văn thư, lưu trữ, quản lý con dấu, sử dụng văn bản điện tử nhằm khuyến khích sử dụng văn bản điện tử, ứng dụng chữ ký số rộng rãi trong các cơ quan nhà nước; ban hành các quy định phù hợp với công tác quản lý và lưu trữ văn bản điện tử áp dụng chữ ký số.

3.5.2. Khó khăn trong tích hợp chữ ký số vào phần mềm

Đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông và Ban Cơ yếu Chính phủ hỗ trợ kỹ thuật trong việc tích hợp chữ ký số với các phần mềm ứng dụng DVCTT, hệ thống quản lý văn bản vào điều hành, tích hợp chữ ký số vào ký email và nghiên cứu triển khai sử dụng chữ ký số chuyên dùng trên thiết bị máy tính bảng để đa dạng hóa phương tiện, thiết bị khai thác sử dụng chữ ký số, đáp ứng yêu cầu giải quyết công việc mọi lúc, mọi nơi.

3.5.3. Khó khăn trong quy trình cấp mới, gia hạn, phục hồi mật khẩu chứng thư số chuyên dùng

Hiện nay, nhu cầu và thực tế ứng dụng chữ ký số chuyên dùng tại các cơ quan nhà nước tăng nhanh. Tuy nhiên, các đơn vị đều gặp vướng mắc do quy trình đăng ký cấp mới, gia hạn, phục hồi mật khẩu mất nhiều thời gian dẫn đến khó khăn trong quá trình sử dụng.

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, để hỗ trợ quá trình sử dụng và quản lý chứng thư số chuyên dùng tại cơ quan cấp Bộ và địa phương, các đơn vị có đề xuất Ban Cơ yếu Chính phủ rút ngắn quy trình và phân cấp cho địa phương, quản lý và tự khôi phục mật khẩu của chứng thư số trong trường hợp quên mật khẩu hoặc nhập sai mật khẩu.



IV

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG TRONG TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

4.1. Tình hình phát triển chữ ký số chuyên dùng trong tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)

Việc ứng dụng chữ ký số để đảm bảo an toàn thông tin, xác thực được thông tin qua môi trường mạng ngày càng được áp dụng rộng rãi.

Nhận thức được ưu điểm của chữ ký số như đảm bảo an toàn thông tin, xác thực thông tin người dùng qua môi trường mạng nên các tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam đều tích cực ứng dụng chữ ký số. Lựa chọn xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng (CA chuyên dùng) để tự cấp, sử dụng vì giải pháp này so với chữ ký số công cộng vừa tận dụng được ưu điểm của chữ ký số và đáp ứng được yêu cầu về kinh phí.

Trong thời gian vừa qua, Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận được hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (OCB) và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (SeABank).

Năm 2017, NEAC đã chủ trì thẩm tra hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung phạm vi, đối tượng của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Đến 31/3/2018, Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho 04 tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng bao gồm:

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank);
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank);
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (SeABank).

Theo số liệu cung cấp từ các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng đã được Bộ Thông tin và Truyền thông chứng nhận đăng ký hoạt động, tình hình hoạt động của các tổ chức này tính đến 31/3/2018 như trong bảng 13:

Bảng 13. Hoạt động của các CA chuyên dùng được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động

STT	CA chuyên dùng	Số chứng thư số cấp tính đến 31/12/2015	Số chứng thư số cấp trong năm 2016	Số chứng thư số cấp giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	Số chứng thư số hồi giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	Số chứng thư số đang hoạt động tính đến 31/3/2018
1	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)	40.274	7.581	5.135	2.269	40.375
2	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6.007	2.930	1.510	842	6.000

STT	CA chuyên dùng	Số chứng thư số cấp tính đến 31/12/2015	Số chứng thư số cấp trong năm 2016	Số chứng thư số cấp giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	Số chứng thư số thu hồi giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	Số chứng thư số đang hoạt động tính đến 31/3/2018
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (TechcomBank)	200	0	30	0	230
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (SeABank)			325	15	310

Nguồn: NEAC

4.2. Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng tại các tổ chức, doanh nghiệp

4.2.1. Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)

Các loại giao dịch sử dụng chữ ký số chuyên dùng bao gồm:

- Ký văn bản;
- Xác thực trong hệ thống nội bộ;
- Ký lệnh chuyển tiền khác chi nhánh;
- Sử dụng cho một số nghiệp vụ như đăng ký sử dụng dịch vụ mạng, đăng ký user/email, đăng ký kích hoạt sử dụng cho các phần mềm giao dịch nội bộ.

Loại giao dịch đang sử dụng: Sử dụng ứng dụng trên Microsoft Office để ký các văn bản nội bộ thuộc Khối Vận hành và Công nghệ.

Tần suất sử dụng: thường xuyên.

Đối tượng sử dụng: cán bộ thuộc Khối Vận hành và Công nghệ.

4.2.2. Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (SeABank)

Các ứng dụng/phần mềm sử dụng chữ ký số chuyên dùng tại SeABank: CyberLotus.

Đối tượng sử dụng: Giám đốc khối và các giám đốc trong khối IT, nhân viên IT SeABank, các ứng dụng web, API.

4.2.3. Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)

Đối tượng sử dụng: nhân viên ngân hàng Agribank.

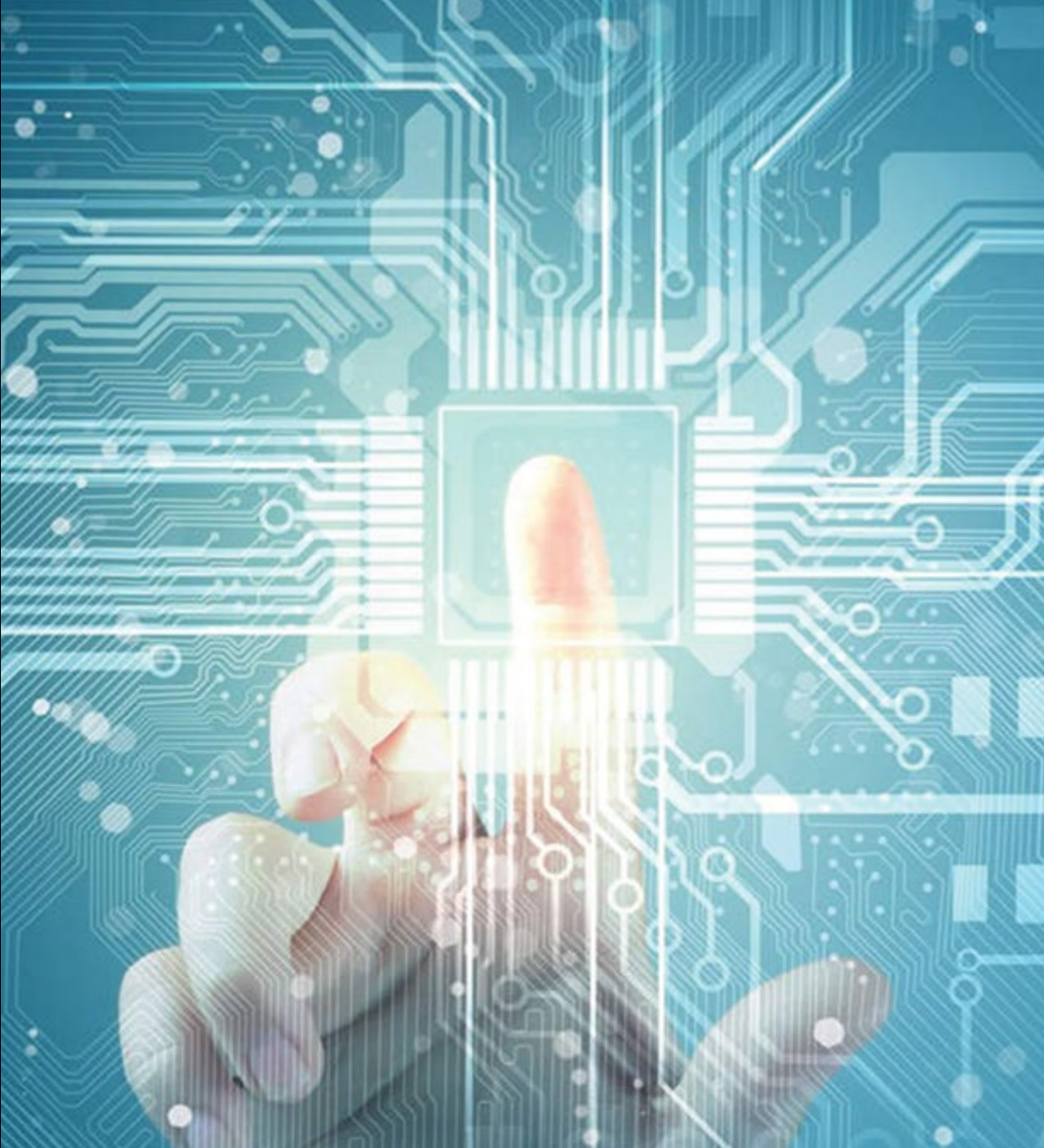
Ngân hàng Agribank ứng dụng chữ ký số để xác thực vào hệ thống nội bộ và ký giao dịch chuyển tiền khác chi nhánh trong Agribank.

4.2.4. Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ngân hàng Nhà nước cung cấp 15 DVCTT cho các doanh nghiệp, cụ thể là các tổ chức tín dụng, bao gồm:

Đối tượng sử dụng chứng thư số của Ngân hàng Nhà nước là người dùng thuộc Ngân hàng Nhà nước, 135 tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, công ty tài chính và gần 1.200 Quỹ tín dụng nhân dân.

Phạm vi sử dụng: Thanh toán liên ngân hàng, Hệ thống báo cáo mới và kho dữ liệu, Ngân hàng Nhà nước, Hệ thống DVCTT của Ngân hàng Nhà nước, Hệ thống email, Hệ thống quản lý văn bản, hệ thống thư điện tử.



V

TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CHỮ KÝ SỐ NƯỚC NGOÀI

5.1. Tình hình công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài

Tính đến 14/11/2018, việc công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài vẫn tuân thủ theo các quy định tại Khoản 4, Điều 1, Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007.

Tính đến thời điểm 31/3/2018, chưa có tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài nào được công nhận tại Việt Nam.

Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số có hiệu lực từ ngày 15/11/2018 không quy định về việc công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài tại Việt Nam.

5.2. Tình hình chấp nhận chứng thư số nước ngoài

Điều kiện sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam và hồ sơ cấp giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam được quy định tại “Khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 170/2013/NĐ-CP” và Điều 52a và Điều 52b của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP”.

Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 15/11/2018 có quy định cụ thể về điều kiện sử dụng, đối tượng, phạm vi hoạt động và thời hạn giấy phép cũng như hồ sơ cấp giấy phép và thẩm tra hồ sơ và cấp giấy phép.

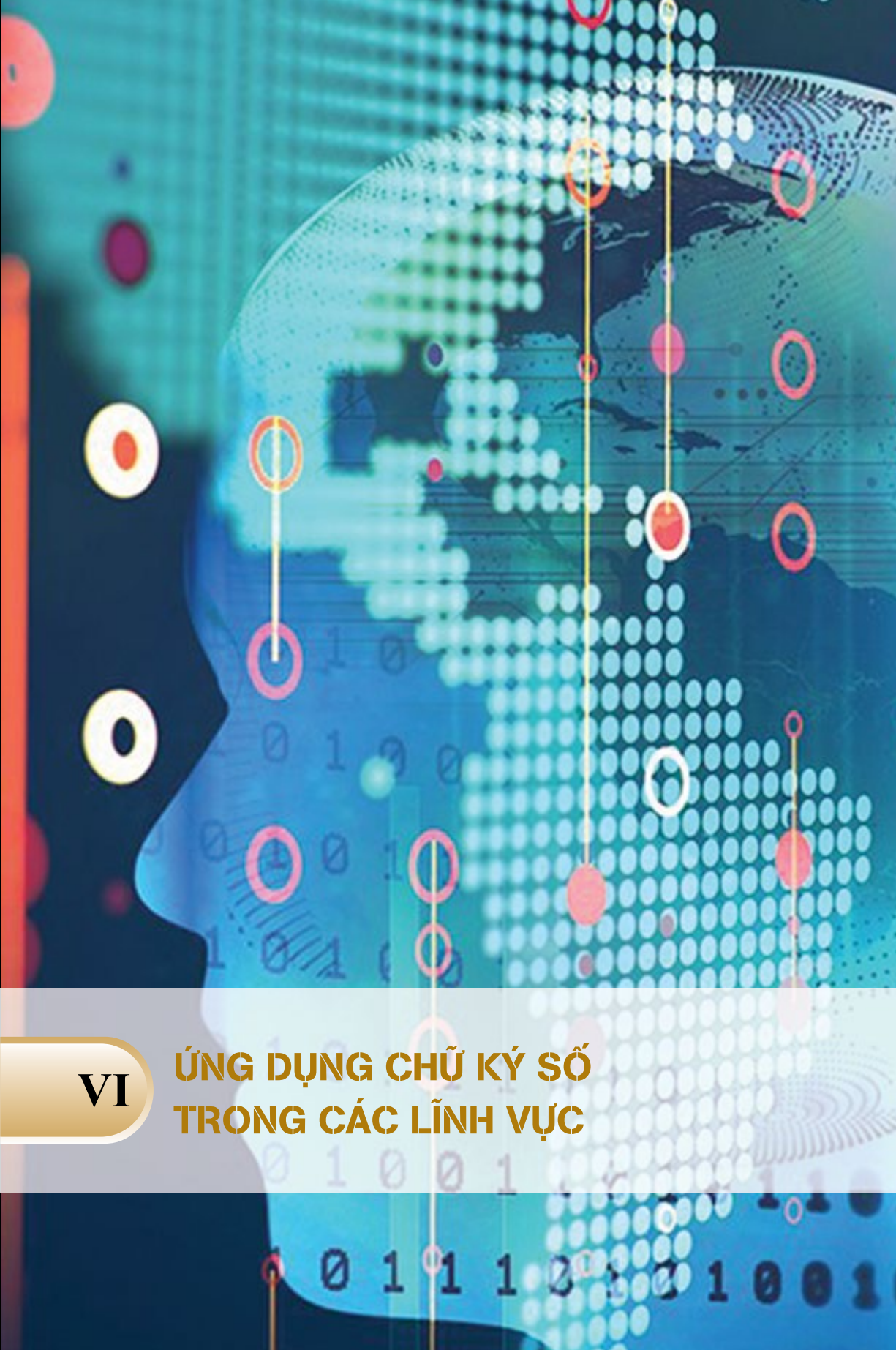
- Điều kiện sử dụng và cấp giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam được quy định tại Điều 43 và Điều 46 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.

- Đối tượng và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng chứng thư số nước ngoài được quy định tại Điều 44 và Điều 50 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.

- Phạm vi hoạt động và thời hạn giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài tại Việt Nam được quy định tại Điều 45 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.

- Hồ sơ; thẩm tra hồ sơ và cấp giấy phép và thay đổi, cấp lại nội dung giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài tại Việt Nam được quy định tại Điều 47, 48 và 49 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.

Ngoài trường hợp đặc thù liên quan đến yếu tố nước ngoài của Công ty Intel Việt Nam vào năm 2012, tính đến thời điểm 31/3/2018, Bộ Thông tin và Truyền thông chưa cấp giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài nào tại Việt Nam.



VI

ỨNG DỤNG CHỮ KÝ SỐ TRONG CÁC LĨNH VỰC

Sau đây là thông tin về tình hình ứng dụng chữ ký số công cộng và chuyên dùng trong các DVCTT của một số ngành, lĩnh vực tiêu biểu:

6.1. Ứng dụng chữ ký số trong ngành Thuế

Sau 09 năm triển khai cung cấp DVCTT ứng dụng chữ ký số tại Tổng cục Thuế, hiện nay tần suất sử dụng ngày càng tăng cao.

Theo Báo cáo môi trường kinh doanh 2018 của Ngân hàng Thế giới công bố vào tháng 10/2018, kết quả xếp hạng Chỉ số Nộp thuế chung của Việt Nam năm 2017 là 131/190 quốc gia và vùng lãnh thổ, số giờ nộp thuế mỗi năm là 498 giờ. Cùng với chủ trương, chính sách của Nhà nước và Chính phủ, số lượng doanh nghiệp tham gia kê khai thuế qua mạng tăng nhanh qua các năm.

- Hệ thống khai thuế điện tử.

Hệ thống khai thuế điện tử đã được triển khai tại 63/63 tỉnh, thành phố và 100% Chi cục Thuế trực thuộc. Tính đến hết 31/3/2018 có 648.130 doanh nghiệp (không bao gồm các doanh nghiệp là chi nhánh, trực thuộc) tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử, trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên cả nước (chiếm 99,94% số doanh nghiệp hoạt động là 648.504).

- Nộp thuế qua mạng.

Tính đến 31/3/2018, số lượng doanh nghiệp đã đăng ký tham gia sử dụng dịch vụ với cơ quan thuế là 637.600 doanh nghiệp (không bao gồm các đơn vị chi nhánh, trực thuộc) trên tổng số 648.504 doanh nghiệp đang hoạt động, đạt tỷ lệ 98,32%. Số lượng doanh nghiệp hoàn thành đăng ký dịch vụ với ngân hàng là 624.955 doanh nghiệp (không bao gồm các doanh nghiệp là chi nhánh, trực thuộc), chiếm tỷ lệ 96,37% trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động.

Tính đến 31/3/2018, số lượng doanh nghiệp và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc kê khai thuế qua mạng, nộp thuế qua mạng đạt 648.130 doanh nghiệp, tăng gần 40.000 doanh nghiệp so với năm 2016, cụ thể:

Bảng 14. So sánh số lượng tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công của Tổng cục Thuế giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018) và giai đoạn trước

STT	Năm	Số lượng tổ chức, doanh nghiệp kê khai thuế qua mạng	Số lượng tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế qua mạng
1	2012	105.865	0
2	2013	233.601	0
3	2014	433.157	17.870
4	2015	582.436	473.022
5	2016	608.213	591.207
6	Giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)	648.130	637.600

Nguồn: NEAC

- Tiếp tục thực hiện việc thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế, trong thời gian qua Tổng cục Thuế đã lựa chọn một số doanh nghiệp lớn có hạ tầng công nghệ thông tin phát triển để tham gia triển khai thí điểm hóa đơn điện tử như: Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Hàng không Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam...

Tính đến ngày 31/3/2018 đã có 219 doanh nghiệp thực hiện xuất hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế với 6.024.012 hóa đơn đã được xác thực.

Về thời gian áp dụng hóa đơn điện tử, Tổng cục Thuế đang cân nhắc phương án lùi thời hạn áp dụng hóa đơn điện tử với một số doanh nghiệp tới tháng 7/2019 thay vì đầu năm 2018 như đề xuất trước đó.

6.2. Ứng dụng chữ ký số trong ngành Hải quan

Cung cấp DVCTT là một trong những công việc quan trọng đã và đang được ngành Hải quan triển khai thực hiện trong nhiều năm qua.

Ngày 01/3/2017, Tổng cục Hải quan đã chính thức vận hành Hệ thống DVCTT, mở rộng cung cấp DVCTT tối thiểu mức độ 3 cho các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan và từ ngày 01/01/2018 sẽ áp dụng chữ ký số trên Cơ chế một cửa quốc gia tại cảng biển.

Tính đến 31/3/2018, số lượng chứng thư số chuyên dùng sử dụng trong Tổng cục Hải quan lên tới 3.885 chứng thư số, tăng 55 chứng thư số so với giai đoạn trước năm 2016.

Hiện nay, Tổng cục Hải quan đang cung cấp dịch vụ công mức độ 4 cho các dịch vụ sau: Hệ thống thông quan tự động và Cơ chế một cửa quốc gia, Cổng thông tin một cửa quốc gia, Cổng thanh toán điện tử thu thuế xuất nhập khẩu Cổng thông tin điện tử Hải quan.

- Số lượng các DVCTT ứng dụng chữ ký số trong lĩnh vực hải quan là 132 dịch vụ bao gồm:

Bảng 15. Số lượng dịch vụ công trực tuyến ứng dụng chữ ký số trong ngành Hải quan tính đến 31/3/2018

STT	Dịch vụ công	Số lượng
1	Hệ thống thông quan tự động và Cơ chế một cửa quốc gia (VNACCS/VCIS)	01
2	Hệ thống Cổng thông tin một cửa quốc gia	47
3	Đăng ký người sử dụng hệ thống VNACCS cho doanh nghiệp	01
4	Hệ thống HQ36A	83
Tổng cộng		132

Trong 11 tháng năm 2017, Tổng cục Hải quan đã thực hiện thủ tục cho 10.080.000 tờ khai của 77.350 doanh nghiệp qua hệ thống VNACCS/VCIS.

Trong năm 2017, tổng số hồ sơ đã được cơ quan hải quan thực hiện DVCTT mức độ 4 cho doanh nghiệp là: 10.142.000 hồ sơ.

Số lượng doanh nghiệp sử dụng DVCTT ứng dụng chữ ký số tính đến thời điểm 31/3/2018, so sánh với giai đoạn từ năm 2016 trở về trước được thể hiện trong bảng 16:

Bảng 16. So sánh số lượng doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến của Tổng cục Hải quan giai đoạn 2015 - 2018 (tính đến 31/3/2018)

STT	Tên dịch vụ	Năm 2015	Năm 2016	Giai đoạn 2017 - 2018
1	Hệ thống thông quan tự động và Cơ chế một cửa quốc gia (VNACCS/VCIS)	66.600	97.140	142.093
2	Hệ thống Cổng thông tin một cửa quốc gia	3.235	10.702	19.800

Nguồn: NEAC

Theo thống kê của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan đã tiếp nhận và xử lý trong Quý I năm 2018 là 2.210.608 hồ sơ, trong Quý II năm 2018 là 3.676.798 hồ sơ.

6.3. Ứng dụng chữ ký số trong ngành Bảo hiểm xã hội

Sau gần 02 năm kể từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 08/2015/QĐ-TTg ngày 09/3/2015 về thí điểm giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và đề nghị cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế, DVCTT ứng dụng chữ ký số của ngành Bảo hiểm xã hội đã có những phát triển cả về số lượng và chất lượng, cụ thể:

Bảng 17. So sánh số lượng doanh nghiệp ứng dụng dịch vụ bảo hiểm xã hội trong giai đoạn 2015 - 2018 (tính đến 31/3/2018)

STT	Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Giai đoạn 2017 - 2018 (tính đến 31/3/2018)
1	Tổng số lượng doanh nghiệp ứng dụng dịch vụ	124.077	209.418	441.096

- Tổng số lượng doanh nghiệp ứng dụng dịch vụ tính đến 31/3/2018: 441.096 doanh nghiệp, tăng hơn 2,1 lần so với năm 2016.

- Số lượng chứng thư số chuyên dùng sử dụng trong hệ thống Bảo hiểm xã hội tính đến 31/3/2018 là 2.838 tăng gần 1,8 lần so với 1.578 chứng thư số năm 2016.

6.4. Ứng dụng chữ ký số trong lĩnh vực Chứng khoán

Giai đoạn 2017 - 2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vẫn tiếp tục cung cấp 34 DVCTT có ứng dụng chữ ký số công cộng nhằm xác thực người tham gia, trong đó gồm 31 DVCTT dành cho doanh nghiệp và 03 DVCTT dành cho người dân.

Hiện nay, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đang sử dụng chữ ký số trong các hệ thống như: hệ thống giám sát giao dịch chứng khoán; phần mềm quản lý báo cáo thống kê nội bộ; hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý công ty quản lý quỹ và quỹ đầu tư; hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý công ty chứng khoán; hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý nhà đầu tư nước ngoài; hệ thống công bố thông tin.

Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đến 31/3/2018, có 2.075 doanh nghiệp sử dụng chữ ký số công cộng để trao đổi trên hệ thống các phần mềm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tăng 21,85% so với 1.991 doanh nghiệp năm 2016.

6.5. Ứng dụng chữ ký số trong các hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước

Theo số lượng thống kê của Kho bạc Nhà nước, tính đến 20/12/2017, tổng số thủ tục hành chính của kho bạc triển khai là 22, trong đó thủ tục hành chính đã triển khai thành DVCTT mức 3 có 6 thủ tục.

Dịch vụ công sử dụng chữ ký số tạo điều kiện thuận lợi và giảm thời gian đi lại, giảm chi phí hoạt động cho các đơn vị. Đặc biệt, DVCTT sẽ chống được việc giả mạo chữ ký, con dấu của đơn vị, đây một trong những nguyên nhân dẫn đến việc chiếm đoạt tiền vốn của ngân sách nhà nước. Thay vì ký trên chứng từ giấy, DVCTT buộc kế toán trưởng và thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách phải ký duyệt bằng chữ ký số. Thông tin thanh toán cũng được nhanh chóng và bảo mật.

Kho bạc Nhà nước đã triển khai thí điểm dịch vụ công điện tử tại 05 thành phố: TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Hải Phòng, TP. Cần Thơ và TP. Đà Nẵng từ ngày 01/3/2016. Các DVCTT cung cấp bao gồm: đăng ký mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; giao nhận hồ sơ kiểm soát chi một của Kho bạc Nhà nước; giao diện yêu cầu thanh toán qua mạng và chương trình kê khai yêu cầu thanh toán.

Để tạo hành lang pháp lý cho các giao dịch điện tử sử dụng chữ ký số trong hoạt động nghiệp vụ của Kho bạc Nhà nước, ngày 15/12/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 133/2017/TT-BTC quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước.

Sau 01 năm thử nghiệm tại 05 thành phố, Kho bạc Nhà nước chính thức vận hành và cung cấp DVCTT trên toàn quốc kể từ ngày 01/02/2018. Theo đó, các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư có mở tài khoản giao dịch tại Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước; Kho bạc Nhà nước các tỉnh/thành phố, quận, huyện... sẽ được thực hiện giao dịch qua DVCTT.

Theo số liệu thống kê của Bộ Tài chính: từ tháng 3/2016 đến tháng 3/2017, Kho bạc Nhà nước đã tiếp nhận 2.582 hồ sơ, trong đó đã giải quyết 2.574 hồ sơ (xử lý thành công 2.384 hồ sơ; từ chối thanh toán 190 hồ sơ).

Đối với hoạt động nghiệp vụ kho bạc, DVCTT có sử dụng chữ ký số góp phần hiện đại hóa công tác kiểm soát việc chi. Chứng từ của đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước sẽ được gửi trên dịch vụ công; giúp bảo đảm minh bạch về hồ sơ, chứng từ, nội dung kiểm soát.

6.6. Ứng dụng chữ ký số trong lĩnh vực đấu thầu

Tính đến 31/3/2018, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang cung cấp 02 DVCTT cho doanh nghiệp (hệ thống mạng đấu thầu quốc gia), 03 DVCTT trong hệ thống muasamcong.mpi.gov.vn, 08 nhóm DVCTT (46 dịch vụ) và hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (dangkykinhdoanh.gov.vn).

Các dịch vụ công trên sử dụng hệ thống chứng thư số công cộng và chuyên dùng do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và cấp.

Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp, tần suất và số lượng người sử dụng trong lĩnh vực đấu thầu cụ thể như sau:

- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia:

Bảng 18. Số lượng đơn vị tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia giai đoạn 2015 - 2017

STT	Năm	Bên mời thầu	Nhà thầu
1	2015	4.900	5.200
2	2016	6.400	27.000
3	2017	17.000	61.000

Tần suất: bình quân 1000 đăng ký/ngày

Kết quả ứng dụng hệ thống chứng thư số chuyên dùng trên hệ thống đấu thầu quốc gia trong các năm được thể hiện trong bảng 19:

Bảng 19. Kết quả ứng dụng chữ ký số trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia giai đoạn 2016 - 2018 (tính đến 31/3/2018)

STT	Năm	Bên mời thầu			Nhà thầu tham dự
		Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đăng tải	Thông báo mời thầu đăng tải	Kết quả lựa chọn nhà thầu đăng tải	
1	2016	30.355	89.340	59.626	12.801
2	2017	70.278	98.591	90.860	22.357
3	Tính đến 31/3/2018	41.224	34.102	26.934	10.951

Việc sử dụng chữ ký số trong hoạt động đấu thầu qua mạng góp phần tăng tính minh bạch công khai, giảm thiểu giấy tờ lưu trữ, tiết kiệm chi phí, thu hút đầu tư và tăng khả năng cạnh tranh.

- Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp:

Hiện nay Hệ thống đã tích hợp với tất cả các nhà cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng trên toàn quốc.

Số lượng thống kê hồ sơ và tài khoản sử dụng chữ ký số công cộng trên hệ thống được thể hiện ở bảng 20:

Bảng 20. Số lượng tài khoản và hồ sơ sử dụng chữ ký số công cộng trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp giai đoạn 2015 - 2016

STT	Năm	Số hồ sơ sử dụng chữ ký số công cộng	Số tài khoản sử dụng chữ ký số công cộng
1	2015	12	126
2	2016	174	598

Số lượng hồ sơ nộp thành công sử dụng chữ ký số công cộng qua các năm được thể hiện ở bảng 21:

Bảng 21. Số lượng hồ sơ sử dụng chữ ký số công cộng trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp giai đoạn 2014 - 2018 (tính đến 31/5/2018)

STT	Năm	Số hồ sơ nộp thành công sử dụng chữ ký số công cộng
1	2014	5
2	2015	8
3	2016	146
4	2017	4.946
5	Tính đến 31/5/2018	1.680

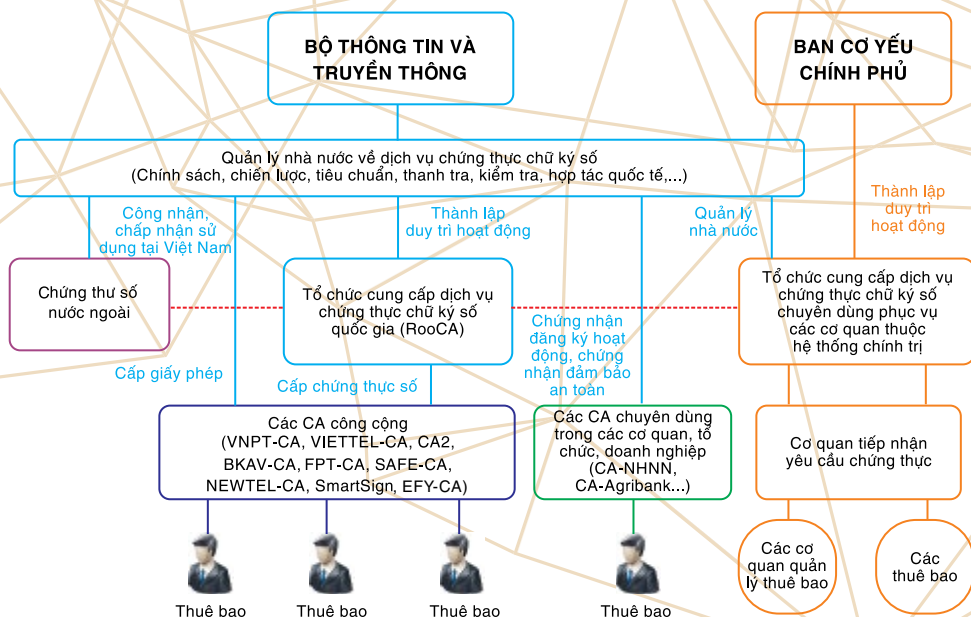
- Thuận lợi trong việc ứng dụng chữ ký số vào DVCTT:

- + Các giao dịch thành công trên Hệ thống có giá trị pháp lý như văn bản giấy được ký và đóng dấu.
- + Các giao dịch diễn ra nhanh, chính xác.
- + Thời gian giao dịch 24/7.
- + Toàn bộ giao dịch thực hiện qua mạng điện tử, giảm chi phí đi lại, chi phí cơ hội.

PHỤ LỤC 1

**MÔ HÌNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ
DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ**

PHỤ LỤC 1: MÔ HÌNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ



Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông có quy định: “Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số theo thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ trong việc quản lý các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số; tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia theo quy định của pháp luật”.

Trong mô hình này, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện quản lý nhà nước về dịch vụ chứng thực chữ ký số, với các chức năng cơ bản như sau:

- Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách, chiến lược, tiêu chuẩn về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.
- Thành lập và duy trì hoạt động của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia (RootCA).
- Cấp phép và quản lý các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.
- Chứng nhận đăng ký hoạt động, chứng nhận đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng.
- Chấp nhận chứng thư số nước ngoài tại Việt Nam.

PHỤ LỤC 2

**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM
PHÁP LUẬT LIÊN QUAN TỚI CHỮ KÝ SỐ
VÀ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ**

Luật		
25/11/2015	Luật phí và lệ phí	
19/11/2015	Luật an toàn thông tin mạng	
29/06/2006	Luật công nghệ thông tin	
29/11/2005	Luật giao dịch điện tử	
Văn bản hướng dẫn Luật		Văn bản căn cứ
27/9/2018	Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.	Luật giao dịch điện tử
12/9/2018	Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	Luật giao dịch điện tử Luật công nghệ thông tin
24/12/2016	Nghị định số 166/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ Quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	Luật giao dịch điện tử
21/11/2016	Nghị định số 156/2016/NĐ-CP ngày 21/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính	Luật giao dịch điện tử
09/3/2015	Quyết định số 08/2015/QĐ-TTg ngày 09/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ thí điểm về giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và đề nghị cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế	Luật giao dịch điện tử
21/01/2015	Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan	Luật hải quan Luật giao dịch điện tử
16/5/2013	Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử	Luật giao dịch điện tử
10/4/2007	Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước	Luật công nghệ thông tin
08/3/2007	Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 08/3/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng	Luật giao dịch điện tử
23/02/2007	Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính	Luật giao dịch điện tử
Xử lý vi phạm		Văn bản căn cứ
07/4/2014	Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/4/2014 của Chính phủ quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao	Luật công nghệ thông tin

13/11/2013	Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện	Luật giao dịch điện tử Luật công nghệ thông tin
10/9/2012	Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTT&TT-VKSNDTC-TANDTC ngày 10/9/2012 hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật hình sự về một số tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông	
Văn bản hướng dẫn thi hành các Nghị định		Văn bản căn cứ
12/7/2018	Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước	Luật giao dịch điện tử
19/12/2017	Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước	Luật giao dịch điện tử Nghị định số 26/2007/NĐ-CP
19/12/2017	Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán	Luật giao dịch điện tử Nghị định số 27/2007/NĐ-CP Nghị định số 156/2016/NĐ-CP
15/12/2017	Thông tư số 133/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước	Luật giao dịch điện tử Nghị định số 27/2007/NĐ-CP
30/12/2016	Thông tư số 37/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia	Luật giao dịch điện tử Nghị định số 35/2007/NĐ-CP
29/12/2016	Thông tư số 35/2016/TT-NHNN ngày 29/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên Internet (<i>thay thế Thông tư số 29/2011/TT-NHNN ngày 21/9/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>)	Nghị định số 35/2007/NĐ-CP
01/02/2016	Thông tư số 08/2016/TT-BQP ngày 01/02/2016 của Bộ Quốc phòng quy định về cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội (<i>thay thế các nội dung tương tự tại Thông tư số 05/2010/TT-BNV</i>)	Nghị định số 26/2007/NĐ-CP
18/12/2015	Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước (<i>thay thế Thông tư số 12/2011/TT-NHNN</i>)	Luật giao dịch điện tử Nghị định số 26/2007/NĐ-CP

08/9/2015	Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng	Luật giao dịch điện tử Nghị định số 63/2014/NĐ-CP Nghị định số 26/2007/NĐ-CP
28/7/2015	Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực Thuế <i>(thay thế Thông tư số 180/2010/TT-BTC)</i>	Nghị định số 27/2007/NĐ-CP
25/3/2015	Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu	Luật giao dịch điện tử Nghị định số 08/2015/NĐ-CP
23/3/2015	Thông tư số 06/2015/TT-BTTTT ngày 23/3/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số <i>(thay thế Quyết định số 59/2008/QĐ-BTTTT)</i>	Nghị định số 26/2007/NĐ-CP
26/11/2014	Thông tư số 17/2014/TT-BTTTT ngày 26/11/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo về hoạt động chứng thực chữ ký số <i>(thay thế Quyết định số 58/2008/QĐ-BTTTT)</i>	Nghị định số 26/2007/NĐ-CP
31/3/2011	Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31/3/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 37/2009/TT-BTTTT ngày 14/12/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số	Nghị định số 26/2007/NĐ-CP
14/3/2011	Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ	Nghị định số 27/2007/NĐ-CP
14/12/2009	Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14/12/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số	Nghị định số 26/2007/NĐ-CP

PHỤ LỤC 3

**GIỚI THIỆU TRUNG TÂM CHỨNG THỰC
ĐIỆN TỬ QUỐC GIA**

1. Thông tin chung

Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia (tên tiếng Anh là: National Electronic Authentication Centre, viết tắt là: NEAC) là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, có chức năng khai thác hạ tầng an toàn thông tin phục vụ hoạt động giao dịch điện tử, bao gồm dịch vụ chứng thực chữ ký số và xác thực điện tử.

Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia được thành lập theo Quyết định số 1592/QĐ-TTg ngày 09/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Chứng thực Chữ ký số quốc gia thuộc Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Quá trình phát triển

Tháng 6 năm 2008, Trung tâm Chứng thực Chữ ký số Quốc gia thuộc Cục Ứng dụng công nghệ thông tin đã được thành lập theo Quyết định số 891/QĐ-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đến cuối năm 2008, Trung tâm chính thức đi vào hoạt động với vai trò là đơn vị quản lý nhà nước về dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Trong 07 năm hoạt động, từ 2008 đến 2014, Trung tâm đã thể hiện được vai trò và sứ mệnh trong việc quản lý và vận hành hệ thống chứng thực số quốc gia, cung cấp dịch vụ cho 09 tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, đưa dịch vụ chứng thực chữ ký số trở thành dịch vụ công nghệ thông tin quan trọng trong hạ tầng thông tin quốc gia, là công cụ hữu hiệu trong phát triển Chính phủ điện tử, thương mại điện tử.

Ngày 09/9/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1592/QĐ-TTg thành lập Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Chứng thực chữ ký số quốc gia thuộc Cục Tin học hóa. Đây là sự kiện chứng minh sự quan tâm của Chính phủ đối với lĩnh vực dịch vụ chứng thực chữ ký số nói chung, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực chứng thực chữ ký số nói riêng.

3. Chức năng, nhiệm vụ

Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo Quyết định số 989/QĐ-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Cơ cấu tổ chức

Hiện nay, bộ máy tổ chức của Trung tâm bao gồm Lãnh đạo Trung tâm và các phòng chức năng, cụ thể như sau:

Bộ máy tổ chức	Địa chỉ thư điện tử
Giám đốc	
Ông Lã Hoàng Trung	lhtrung@mic.gov.vn
Các Phó Giám đốc	
Ông Phạm Quang Hiếu	pqhieus@mic.gov.vn
Ông Phạm Quốc Hoàn	pqhoan@mic.gov.vn
Ông Đặng Đình Trường	ddtruong@mic.gov.vn
Phòng Hành chính - Tổng hợp	
Trưởng phòng: Ông Nguyễn Hồng Hà	nhha@mic.gov.vn
Phòng Kế hoạch - Tài chính	
Phó Trưởng phòng: Bà Nguyễn Thị Phương Thu	ntpthu@mic.gov.vn
Phòng Hạ tầng xác thực điện tử	
Phó Trưởng phòng: Ông Lê Quang Tú	lqtu@mic.gov.vn
Phòng Thẩm định và pháp chế	
Phó Trưởng phòng: Ông Nguyễn Văn Duy	duynv@mic.gov.vn
Phòng Nghiên cứu và hợp tác quốc tế	
Phó Trưởng phòng: Ông Hoàng Minh Đạt	hmdat@mic.gov.vn
Phòng Thông tin và phát triển dịch vụ	
Phó Trưởng phòng: Bà Phùng Thị Anh	ptanh@mic.gov.vn

5. Thông tin liên hệ

Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Cục Tần số vô tuyến điện, số 115 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 024.36882333

Website: www.neac.com.vn

Email: vanthutctdtqg@mic.gov.vn

PHỤ LỤC 4

**GIỚI THIỆU CỤC CHỨNG THỰC SỐ
VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN**

1. Vị trí, chức năng

Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin là tổ chức trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, được thành lập theo Nghị định số 09/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ.

Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin có chức năng tham mưu, giúp Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tổ chức, quản lý và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng; tổ chức thực hiện cung cấp chứng thực chữ ký số, bảo mật, xác thực và an toàn thông tin trong các giao dịch điện tử phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

2. Quá trình phát triển

Ngày 18/7/2007, Trung tâm Chứng thực điện tử chuyên dùng Chính phủ thuộc Cục Quản lý kỹ thuật nghiệp vụ mật mã được thành lập theo Quyết định số 595/QĐ-BCY của Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ, có chức năng bảo đảm cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

Trước yêu cầu quản lý nhà nước về chứng thực chữ ký số chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trong tình hình mới, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8/2014 trên cơ sở phát triển Trung tâm Chứng thực điện tử chuyên dùng Chính phủ thuộc Cục Quản lý Kỹ thuật Nghiệp vụ mật mã/Ban Cơ yếu Chính phủ theo Nghị định số 09/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ.

Trong gần 10 năm hoạt động và phát triển, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin (trước đây là Trung tâm Chứng thực điện tử chuyên dùng Chính phủ/Cục Quản lý kỹ thuật nghiệp vụ mật mã) đã thực hiện tốt chức năng tham mưu, giúp Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tổ chức, quản lý và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng; tổ chức thực hiện cung cấp chứng thực chữ ký số, bảo mật, xác thực và an toàn thông tin trong các giao dịch điện tử phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. Giai đoạn 2012 - 2016, Cục đã tham mưu, giúp Ban Cơ yếu Chính phủ tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp về cơ cấu tổ chức; củng cố và hoàn thiện hệ thống các văn bản quản lý về chứng thực chữ ký số chuyên dùng và hạ tầng kỹ thuật đáp ứng mọi nhu cầu về cung cấp, quản lý chứng thực chữ ký số của các cơ quan Đảng, Nhà nước các cấp. Nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của chữ ký số từ các cấp lãnh đạo đến cán bộ, công chức nhà nước được tăng cường và chuyển biến rõ rệt góp phần tạo yếu tố tác động, thúc đẩy ứng dụng CNTT và phát triển Chính phủ điện tử. Việc ứng dụng và triển khai chứng thực chữ ký số chuyên dùng do Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin thực hiện đã phát huy hiệu quả sử dụng trong thực tế, đảm bảo an toàn các giao dịch điện tử, tạo môi trường làm việc điện tử hiện đại, tiết kiệm thời gian và chi phí, góp phần tích cực trong việc cải cách hành chính và nâng cao hiệu quả công việc, tăng tính công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành.

3. Cơ cấu tổ chức

Hiện nay, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin gồm Lãnh đạo Cục và 06 đầu mối các Phòng, Ban, Trung tâm trực thuộc.

4. Thông tin liên hệ

Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin

Địa chỉ: 23 Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 024.37738668

Fax: 024.37738668

Website: www.ca.gov.vn

Email: ca@bcy.gov.vn

PHỤ LỤC 5

**GIỚI THIỆU CÁC TỔ CHỨC
CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC
CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG**

VNPT-CA



1. Giới thiệu

VNPT-CA là dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) cung cấp theo giấy phép số 1293/GP-BTTTT ngày 15/9/2009. Đơn vị đại diện trực tiếp kinh doanh trên toàn quốc là Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (thành viên VNPT).

Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông là đại diện cho Tập đoàn VNPT cung cấp toàn bộ các dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin tại Việt Nam. VNPT-CA sở hữu hệ thống hạ tầng hiện đại và có mạng lưới hạ tầng khắp 63 tỉnh/thành phố.

Trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, VNPT là đơn vị tiên phong đầu tiên cung cấp dịch vụ và từng bước phát triển vững chắc, chinh phục được lòng tin của khách hàng. Hiện nay, VNPT đang là nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số được khách hàng trên toàn quốc tin dùng. Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VNPT-CA được Hiệp hội phần mềm Việt Nam (VINASA) trao tặng Giải thưởng Sao Khuê năm 2013, “Đơn vị cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng tiêu biểu” năm 2014.

Dịch vụ chứng thư số VNPT-CA được VNPT triển khai trực tiếp đến tận nơi cho khách hàng, hỗ trợ tư vấn trực tiếp, kịp thời... với mạng lưới cung cấp dịch vụ rộng khắp trên 63 tỉnh/thành phố.

2. Các dịch vụ cung cấp

Các loại hình chứng thư số VNPT-CA được VNPT cung cấp cho khách hàng: Chứng thư số cho cơ quan, tổ chức; Chứng thư số cho cá nhân, cá nhân thuộc tổ chức, doanh nghiệp; Chứng thư số SSL dành cho Website; Chứng thư số cho Code Signing dành cho phần mềm; Giải pháp chữ ký số trên thiết bị di động (Mobile PKI).

3. Thông tin liên hệ

Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (thành viên VNPT)

Địa chỉ: Tòa nhà VNPT, số 57 phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

+ Tổng đài hỗ trợ dịch vụ 24/7: 18001260

+ Website: www.vnpt-ca.vn



1. Giới thiệu

Công ty Cổ phần Công nghệ Thẻ Nacencomm là một thành viên của Tổng công ty Điện tử Hà Nội - HANEL.

Ngày 04/02/2010, Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp giấy phép số 169/GP-BTTTT cho Nacencomm. CA2 trở thành đơn vị thứ 2 được cấp giấy phép hoạt động Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng. Ngày 27/8/2015, CA2 được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép lần 2 (số 425/GP-BTTTT) để tiếp tục cung cấp dịch vụ.

2. Các dịch vụ cung cấp

Sản phẩm của CA2 gồm: VID web (Chứng thư số dành cho website); VID Sign (Chứng thư số dành cho cá nhân); VID Stamp (Chứng thư số dành cho doanh nghiệp).

CA2 luôn nâng cao chất lượng và lợi ích dịch vụ bằng việc phát triển nhiều ứng dụng kèm theo gia tăng giá trị cho chữ ký số CA2 như: Hóa đơn tự in, Hóa đơn điện tử, Văn bản điện tử, Hợp đồng điện tử... Đồng thời liên tục đào tạo, tập huấn để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ nhằm hỗ trợ khách hàng đảm bảo nhanh và tốt nhất. Ngoài ra, CA2 còn là đơn vị cung cấp chữ ký số duy nhất có bảo hiểm nên đảm bảo tính an toàn và tính bảo mật cao.

CA2 cam kết tiếp tục phấn đấu giữ vững chất lượng sản phẩm, lợi ích dịch vụ và nâng cao năng lực phục vụ, đáp ứng nhu cầu của các khách hàng ngày càng tốt hơn.

3. Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Công nghệ Thẻ Nacencomm

Địa chỉ: Số 2 Chùa Bộc, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.35765146

Đường dây nóng: 1900545407

Hỗ trợ 1: 0375575298; Hỗ trợ 2: 0383392615

Website: www.cavn.vn

Email: support@cavn.vn

BKAV CA



1. Giới thiệu

Bkav là Tập đoàn công nghệ hoạt động trong các lĩnh vực an ninh mạng, phần mềm, chính phủ điện tử, nhà sản xuất các thiết bị điện tử thông minh và cung cấp dịch vụ Cloud Computing. Bkav là 1 trong 10 thương hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam bình chọn, nằm trong top 10 Dịch vụ hoàn hảo do Hội Tiêu chuẩn & Bảo vệ Người tiêu dùng Việt Nam bình chọn.

Bkav là doanh nghiệp đầu tiên của Việt Nam lọt vào Danh sách các công ty hấp dẫn (Cool Vendors) tại các thị trường mới nổi trên toàn cầu do Gartner, hãng tư vấn công nghệ thông tin hàng đầu thế giới công bố. Tập đoàn đã thành lập Bkav Singapore và Bkav USA đặt tại Thung lũng Silicon, Mountain View, bang California - Mỹ. Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực An ninh mạng hàng đầu tại Việt Nam với hơn 10 năm kinh nghiệm nghiên cứu Chữ ký số, Bkav có sự am hiểu sâu sắc về Chữ ký số cùng đội ngũ kỹ thuật tích hợp ứng dụng có trình độ chuyên môn cao.

Đặc biệt, Bkav CA đã được Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam (VNISA) chứng nhận là dịch vụ Chữ ký số tốt nhất do người dùng bình chọn năm 2011, 2012. Dịch vụ Chữ ký số được Bkav triển khai tận nơi cho khách hàng, hỗ trợ tư vấn trực tiếp, kịp thời... với mạng lưới cung cấp dịch vụ rộng khắp 63/63 tỉnh thành.

2. Các dịch vụ cung cấp

Hiện tại, Bkav đang triển khai, cung cấp gói dịch vụ sử dụng Chữ ký số phục vụ kê khai thuế qua mạng, nộp thuế qua mạng, hoá đơn điện tử, kê khai bảo hiểm điện tử và kê khai hải quan cho các doanh nghiệp trên toàn quốc và hóa đơn điện tử.

Bên cạnh đó, Bkav còn thực hiện tích hợp, cung cấp dịch vụ chữ ký số cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam - VSD, Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Indovina - IVB, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - VPBank, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - ACB, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV...

3. Thông tin liên hệ

Trung tâm hỗ trợ khách hàng Bkav CA - Công ty Cổ phần Bkav

Địa chỉ: Tầng 2, Toà nhà HH1, Khu đô thị Yên Hòa, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Tư vấn: 1900545414

Hỗ trợ kỹ thuật: 19001854

Website: www.bkavca.vn

Email: bkavca@bkav.com



1. Giới thiệu

Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng Viettel-CA của Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel) chính thức kinh doanh từ ngày 15/10/2010 theo Giấy phép số 785/GP-BTTTT. Ngày 28/9/2015, Viettel-CA được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép lần 2 (số 498/GP-BTTTT) để tiếp tục cung cấp dịch vụ.

Viettel-CA trở thành nhà cung cấp thứ 4 trên thị trường chữ ký số. Đến nay, Viettel-CA đã từng bước phát triển vững chắc, chinh phục được lòng tin của khách hàng và trở thành nhà cung cấp dịch vụ chữ ký số uy tín và lớn mạnh.

Trong suốt 5 năm kinh doanh dịch vụ, lấy sáng tạo và tiên phong là kim chỉ nam hành động, Viettel-CA luôn luôn cố gắng là người đi đầu trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ và chất lượng chăm sóc khách hàng, từ đó cung cấp tới khách hàng dịch vụ tốt nhất và sự chăm sóc, hỗ trợ tận tình.

2. Các dịch vụ cung cấp

Danh sách các sản phẩm ứng dụng chữ ký số CA của Viettel đa dạng, gồm:

Dịch vụ chứng thư số cho cá nhân, tổ chức, chứng thư số SSL/TLS, chứng thư số cho phần mềm (CodeSigning).

Dịch vụ hành chính công: kê khai thuế qua mạng, nộp thuế điện tử, bảo hiểm xã hội điện tử, hải quan điện tử, hóa đơn điện tử...

Giải pháp cho văn phòng điện tử, chính phủ điện tử...

Giải pháp cho ngân hàng điện tử...

Giải pháp chữ ký số trên thiết bị di động (MobileCA).

3. Thông tin liên hệ

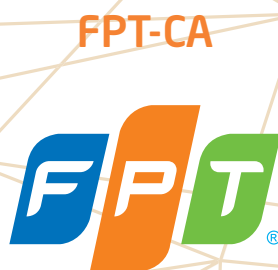
Tổng Công ty viễn thông Viettel - chi nhánh Tập đoàn Viễn thông quân đội

Tòa nhà Viettel, số 1 Giang Văn Minh, Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: 1800 8000 (Nhánh 1)

Website: www.viettel-ca.vn

Email: vtt_cskhndn@viettel.com.



1. Giới thiệu

Trung tâm Dịch vụ Điện tử FPT (FPT-CA) là tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng thuộc Tập đoàn FPT.

FPT-CA chính thức được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép số 1079/GP-BTTTT lần đầu vào ngày 26/7/2010 và trở thành đơn vị thứ 5 trên thị trường. Sau 5 năm cung cấp dịch vụ, FPT-CA đã nhanh chóng vươn lên nằm trong TOP các nhà cung cấp dịch vụ Chứng thực Chữ ký số uy tín. Ngày 12/10/2015, FPT-CA chính thức được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép lần 2 (số 527/GP-BTTTT) để tiếp tục cung cấp dịch vụ.

Duy nhất tại Việt Nam, FPT là nhà cung cấp dịch vụ Chứng thực Chữ ký số với chuẩn thiết bị phần cứng HSM đạt mức 4, cao nhất trong tiêu chuẩn bảo mật thiết bị FIPS 140-2, được công nhận bởi chính phủ Mỹ và Canada. Tất cả chính sách, dữ liệu được lưu trữ đầy đủ để truy cập 24/24. FPT-CA được thiết kế tuân thủ các tiêu chuẩn mở quốc tế như X509, PKIX, LDAP, cho phép áp dụng các chính sách khác nhau với việc đăng ký các loại chứng thư số khác nhau.

FPT tin tưởng dịch vụ chữ ký số FPT-CA sẽ là nền tảng và cầu nối mang lại tiện ích cho mọi cá nhân, tổ chức khi sử dụng chứng thư số FPT-CA để kê khai thuế, khai báo hải quan điện tử hay các dịch vụ điện tử khác trong tương lai.

2. Các dịch vụ cung cấp

Trung tâm Dịch vụ Điện tử FPT cung cấp giải pháp điện tử toàn diện cho mọi Doanh nghiệp, cá nhân trong các thao tác điện tử: Chữ ký số (FPT-CA), Khai thuế điện tử (FPT.eTax), Khai hải quan điện tử (FPT.eCustoms), Dịch vụ Khai hải quan điện tử (FPT.VNACCS) và các dịch vụ khác. Các khách hàng của FPT-CA là các cá nhân, doanh nghiệp kê khai thuế, hải quan điện tử và các ngân hàng lớn như: ACB, BIDV, MBBank, ANZ, VPBank...

3. Thông tin liên hệ

Trung tâm dịch vụ chữ ký số FPT-CA

Địa chỉ: Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT, tầng 22, tòa nhà Keangnam Landmark 72, Lô E6, Phạm Hùng, Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Tổng đài hỗ trợ: 19006625

Website: dichvudiantu.fpt.com.vn

Email: hotroca@fpt.com.vn



1. Giới thiệu chung

NEWTEL-CA là đơn vị cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng hoạt động theo giấy phép cung cấp dịch vụ số 1046/GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 13/7/2011.

Hệ thống cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng của NEWTEL-CA đã được Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải Quan, Bộ Y tế, Bộ Công Thương, BHXH Việt Nam và nhiều ngân hàng chấp nhận sử dụng chính thức trong các ứng dụng giao dịch điện tử và dịch vụ công điện tử trên cả nước.

Với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực chữ ký số và bảo mật an ninh mạng cùng đội ngũ cán bộ nhân viên trẻ, nhiệt huyết, sáng tạo, NEWTEL-CA cam kết sẽ mang lại cho Quý Khách hàng/đối tác các giải pháp ứng dụng chữ ký số trong các giao dịch điện tử an toàn, hiệu quả và chất lượng dịch vụ tốt nhất.

2. Các sản phẩm, dịch vụ cung cấp

- Dịch vụ chữ ký số công cộng cho cá nhân;
- Dịch vụ chữ ký số công cộng cho cá nhân thuộc tổ chức/doanh nghiệp;
- Dịch vụ chữ ký số công cộng cho tổ chức/doanh nghiệp;
- Giải pháp tích hợp và ứng dụng chữ ký số trong:
 - + Dịch vụ công trực tuyến của các Bộ/Ban/Ngành;
 - + Giao dịch ngân hàng điện tử;
 - + Thương mại điện tử;
 - + Hóa đơn điện tử;
 - + Quản trị doanh nghiệp.

3. Thông tin liên hệ

Nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng NEWTEL-CA

Địa chỉ: Số 8 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, TP. Hà Nội

Văn phòng hỗ trợ khách hàng: Phòng 305, toà nhà GP Invest, số 70 Đê La Thành, Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.37634666/024.37634777/024.37634999

Đường dây nóng: 0936208068

Website: www.newca.vn

Email: info@newca.vn

SAFE-CA



1. Giới thiệu

SAFE-CA là tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng thuộc Công ty Cổ phần Chứng Số An toàn.

SAFE-CA được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo giấy phép số 1378/GP-BTTTT ngày 25/8/2011 và trở thành đơn vị thứ 8 trên thị trường chữ ký số. Ngày 07/9/2017, SAFE-CA chính thức được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép lần 2 (số 424/GP-BTTTT) để tiếp tục cung cấp dịch vụ.

Với mục tiêu cung cấp dịch vụ Chứng thực chữ ký số công cộng và các giải pháp áp dụng chữ ký số trong các giao dịch điện tử nghiên cứu các giải pháp và đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm phát triển dịch vụ lâu dài và bền vững.

2. Các dịch vụ cung cấp

Công ty Cổ phần Chứng số An toàn là một trong những đơn vị đầu tiên được Bộ thông tin và Truyền thông cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ Chứng thực chữ ký số công cộng cho cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng trong các lĩnh vực:

- Chứng thư số cá nhân (dành cho cơ quan, tổ chức, cá nhân);
- Chứng thư số SSL (dành cho website);
- Chứng thư số cho CodeSigning (dành cho ứng dụng).

3. Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng số An toàn

Địa chỉ: X-04.77, tòa nhà North Towers, Sunrise City, 27 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.66823732

Website: www.safecert.com.vn

Email: info@SAFECert.com.vn



1. Giới thiệu

Công ty Cổ phần Chữ ký số Vi Na - SmartSign là một trong những đơn vị được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép cung cấp chữ ký số công cộng chính thức, đã hoạt động trên thị trường được 7 năm, từ năm 2010 được cấp giấy phép hoạt động (số 1830/GP-BTTTT) đến nay và ngày càng phát triển lớn mạnh, toàn diện, lâu dài và có chiều sâu.

Ngày 04/11/2016, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã ký Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số (số 496/GP-BTTTT) lần 2 cho SmartSign, có giá trị đến hết ngày 04/11/2021.

2. Các dịch vụ cung cấp

Sau khi nhận được giấy phép, SmartSign đã đầu tư mới toàn bộ hệ thống phần cứng cũng như phần mềm, đồng thời xây dựng quy trình cập nhật thời hạn Chứng thư số cho khách hàng. Hệ thống này đáp ứng tất cả các yêu cầu theo Thông tư số 06/2015/TT-BTTTT, nhằm tăng cường hơn nữa tính bảo mật và an toàn cho chữ ký số.

Ngoài ra, Công ty còn cung cấp giải pháp xác thực và truy nguyên nguồn gốc hàng hóa - SmartStamp, giải pháp này được sử dụng trong các doanh nghiệp lớn ở nhiều lĩnh vực: thực phẩm chức năng, máy lọc nước, đồng hồ... Hệ thống cho phép khách hàng kiểm tra xuất xứ hàng hóa thông qua nhiều hình thức và nhiều kênh khác nhau: tin nhắn SMS, website của doanh nghiệp, tổng đài tự động.

Bên cạnh đó, SmartSign còn cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử - SmartVas. Việc sử dụng hóa đơn điện tử SmartVas mang lại rất nhiều lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp như: giảm chi phí; thuận tiện cho việc hoạch toán kế toán, đối chiếu dữ liệu, kê khai, nộp thuế; tăng tính năng an toàn, tránh các rủi ro, thất lạc, hư hỏng, nếu mất có thể yêu cầu cấp lại. Trong thời gian sắp tới Công ty Cổ phần Chữ ký số Vi Na sẽ tiếp tục mở rộng và phát triển thị trường, nâng cao chất lượng tất cả các dịch vụ.

3. Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chữ ký số Vi Na

Trụ sở chính: 41A Nguyễn Phi Khanh, phường Tân Định, quận 1, TP. Hồ Chí Minh,

Điện thoại: 028.38202261/028.38202262

Email: info@smartsign.com.vn

Văn phòng đại diện miền Bắc: AC Building, 78 Duy Tân, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.37955952/024.37955952

Email: sales_mb@smartsign.com.vn

Đường dây nóng: 19006276

Website: www.smartsign.com.vn

EFY-CA



1. Giới thiệu

EFY Việt Nam thành lập năm 2007 với lĩnh vực hoạt động cốt lõi là công nghệ thông tin, EFY Việt Nam là thương hiệu uy tín trên thị trường hiện nay, hiện đang cung cấp dịch vụ điện tử cho hơn 90.000 khách hàng trong toàn quốc và tiếp tục không ngừng mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ. Hiện nay đã có 04 sản phẩm, dịch vụ CNTT của EFY Việt Nam được hiệp hội phần mềm VINASA công nhận Danh hiệu Sao khuê qua từng năm 2012 - phần mềm Dịch vụ công, một cửa điện tử (EFY-eCS), năm 2013 - phần mềm Tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo (EFY-KNTC), năm 2016 - phần mềm Bảo hiểm xã hội điện tử (EFY-eBHXH) và năm 2018 phần mềm Hóa đơn điện tử (EFY-iHOADON).

Đặc biệt năm 2017 được tổ chức Kỷ lục Việt Nam xác lập kỷ lục cho phần mềm Một cửa điện tử (EFY-eCS) được ứng dụng nhiều nhất trong tổ chức hành chính Việt Nam. EFY Việt Nam cũng là thành viên của Hiệp hội phần mềm Việt Nam VINASA, Hội Khoa học hành chính, Hội An toàn thông tin Việt Nam (VNISA).

EFY-CA là giải pháp chứng thực chữ ký số công cộng theo Giấy phép số 153/GP-BTTTT ngày 05/4/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông. EFY-CA là nhà cung cấp thứ 9 trên toàn quốc. EFY-CA cam kết sẽ cung cấp tới tất cả các khách hàng một dịch vụ tốt nhất, hiện nay dịch vụ được chúng tôi cung cấp trực tiếp tới khách hàng qua các kênh trực tiếp từ nhà cung cấp, hệ thống đại lý, hệ thống cộng tác viên... với mạng lưới cung cấp dịch vụ rộng khắp trên cả nước.

2. Các dịch vụ cung cấp

Danh sách các sản phẩm ứng dụng giải pháp chứng thực chữ ký số đa dạng gồm:

Dịch vụ chứng thực chữ ký số cá nhân, tổ chức, chứng thư số SSL/TLS, chứng thư số cho phần mềm (code signing);

Dịch vụ hành chính công: kê khai thuế qua mạng, nộp thuế điện tử, bảo hiểm xã hội điện tử, hải quan điện tử, hóa đơn điện tử...

Dịch vụ cho Điều hành doanh nghiệp: Thương mại điện tử, quản lý nội bộ, ký số tập trung, tích hợp với các ứng dụng trong doanh nghiệp ...

Giải pháp chữ ký số trên thiết bị di động (Mobile-KPI).

Sản phẩm tốt, dịch vụ tốt, thái độ tốt luôn là giá trị cốt lõi của EFY Việt Nam.

3. Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Công nghệ tin học EFY Việt Nam

Địa chỉ trụ sở: Tầng 9 tòa nhà Sannam, 78 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Văn phòng giao dịch tại TP. HCM: M002B cao ốc Phú Nhuận, số 20 Hoàng Minh Giám, phường 9, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Tổng đài hỗ trợ: TP. Hà Nội: 19006142 - TP. HCM: 19006139

Hotline: 0985 485 888

Website: www.efyca.vn

Email: ca@efy.com.vn

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CHỮ KÝ SỐ TẠI VIỆT NAM NĂM 2018

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung

Giám đốc - Tổng Biên tập

Trần Chí Đạt

Biên tập: Nguyễn Long Biên, Nguyễn Thọ Việt

Sửa bản in: Nguyễn Long Biên, Nguyễn Thọ Việt

Thiết kế và trình bày: Trần Hồng Minh, Nguyễn Mạnh Hoàng

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Website: www.nxbthongtintruyenthong.vn; Book365.vn; Ebook365.vn

Trụ sở chính: Tầng 6, tòa nhà Cục Tần số và vô tuyến điện, 115 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

ĐT Biên tập: 024.35772141

Fax: 024.35579858

ĐT Phát hành: 024.35772138

E-mail: nxb.tttt@mic.gov.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: 211 Đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.35127750, 35127751

E-mail: cnsng.nxbtttt@mic.gov.vn

Fax: 028.35127751

Chi nhánh TP. Đà Nẵng: 42 Trần Quốc Toản, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3897467

E-mail: cndn.nxbtttt@mic.gov.vn

Fax: 0236.3843359

Chi nhánh Tây Nguyên: Số 28B đường Y Bih Alêô, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0262.3808088

E-mail: cntn.nxbtttt@mic.gov.vn



In 500 cuốn, khổ 16x24 cm tại Công ty TNHH In và Dịch vụ Thương mại Phú Thịnh
Địa chỉ: Lô B2-2-5-KCN Nam Thăng Long, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4485-2018/CXBIPH/12-204/TTTT
Số quyết định xuất bản: 550/QĐ-NXBTTTT, cấp ngày 19/12/2018
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2018
ISBN: 978-604-80-3560-0